

A large offshore oil rig stands in the middle of the ocean under a dramatic, cloudy sky at sunset. The rig is illuminated with lights, and the sky transitions from a deep blue at the top to a warm orange and pink near the horizon. The foreground is dominated by a large blue geometric shape that overlaps the rig and the sea.

# 2020 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



**TAN CANG**  
OFFSHORE SERVICES



# Chú thích và viết tắt

Công ty/ TCO Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng

TCT TCSG/ TCSG Tổng Công ty TNHH MTV Tân Cảng Sài Gòn

ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông

BKS Ban kiểm soát

HĐQT Hội đồng quản trị

CBNV Cán bộ nhân viên

BCTC Báo cáo tài chính

CTCP Công ty Cổ phần

SXKD Sản xuất kinh doanh

GDP Tổng sản phẩm quốc nội

# MỤC LỤC

---

Phần I .....

## NĂM 2020 – TCO 08

|   |    |
|---|----|
| Con số nổi bật  |    |
| Gới thiệu chung   |    |
| Ngành nghề kinh doanh chính                               | 10 |
| Địa bàn kinh doanh  | 11 |
| Quá trình hình thành và phát triển                        | 12 |
| Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh<br>và bộ máy quản lý | 14 |
| Gới thiệu công ty con và công ty liên kết                 | 15 |
| Gới thiệu ban lãnh đạo                                    | 16 |
| Nguồn lực   | 20 |

|   |    |
|---|----|
| Chú thích và viết tắt                     | 03 |
| Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị | 06 |

Phần II .....

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH  
HOẠT ĐỘNG TRONG  
NĂM 2020** **24**

|                                |    |
|--------------------------------|----|
| Thông điệp của Giám đốc        | 24 |
| Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 25 |
| Báo cáo của Ban giám đốc       | 26 |
| Báo cáo của Hội đồng quản trị  | 34 |
| Kế hoạch 2021                  | 36 |

Phần III .....

**QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM  
2020** **38**

|  |    |
|--|----|
| Hội đồng quản trị                      | 38 |
| Ban kiểm soát                          | 40 |
| Thù lao của HDDQT, BKS và Ban giám đốc | 42 |

Phần VI .....

**CHỨNG KHOÁN TOS** **44**

|                     |    |
|---------------------|----|
| Thông tin cổ phiếu  | 45 |
| Cổ đông lớn         | 45 |
| Cơ cấu cổ đông      | 46 |
| Giao dịch liên quan | 47 |
| Quan hệ cổ đông     | 49 |

Phần VII .....

**BÁO CÁO TÀI  
CHÍNH HỢP NHẤT  
NĂM 2020** **50**

# Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên,

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty, tôi xin gửi tới Quý vị lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Năm 2020 chứng kiến thế giới chịu ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, nền kinh tế thế giới chịu nhiều ảnh hưởng nghiêm trọng, sự đứt gãy của các chuỗi cung ứng, thu hẹp cả tổng cung và tổng cầu, gia tăng rủi ro tài chính đưa kinh tế thế giới vào vòng suy giảm. Trước tình hình đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động ban hành các nghị quyết, nghị định, quyết định về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 và hỗ trợ thêm cho một số nhóm đối tượng đang hưởng chính sách ưu đãi, bảo trợ xã hội trong thời gian có dịch; gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, gia hạn và giảm tiền thuê đất; gia hạn thời gian nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước; trình cấp có thẩm quyền xem xét để hỗ trợ một số ngành, lĩnh vực bị ảnh hưởng lớn từ dịch bệnh. Với những nỗ lực đó, đất nước cũng đã phấn đấu cao nhất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội năm 2020: GDP ước tính tăng 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%), tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 13,5% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,98%, đóng góp 53%; khu vực dịch

vụ tăng 2,34%, đóng góp 33,5%.

Qua đó, do đại dịch Covid 19 và là năm thiên tai bất thường, giá dầu giảm thấp nhất trong vòng 20 năm qua, khiến cho hoạt động trên biển hết sức khó khăn, nguy hiểm. Dự án cơ sở hạ tầng bị gián đoạn gây sức ép lên dòng tiền SXKD và tăng chi phí tài chính.

Tiếp nối năm 2020, năm 2021, kinh tế Việt Nam dự kiến sẽ đối mặt với nhiều cơ hội và thách thức mới.

- ◆ Nhiều chuyên gia đã dự báo tích cực về nền kinh tế, tốc độ tăng trưởng của Việt Nam năm 2021. HSBC tin tưởng kinh tế Việt Nam có thể đạt mức tăng trưởng 7,6% trong năm 2021 do hưởng lợi từ sự phục hồi bởi công nghệ dẫn đầu.
- ◆ CPI được dự báo ở mức dưới 4% theo mục tiêu của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- ◆ Thị trường hàng hải năm 2021 sẽ tiếp tục tăng so với năm 2020 nhưng sự tăng trưởng chưa vững chắc và tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Với những nhận định đó, công ty đặt ra kế hoạch: Tổng doanh thu Công ty mẹ năm 2021: 1.049 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế dự kiến 130 tỷ đồng với mức chia cổ tức dự kiến là 23%/Vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng cam kết sẽ tiếp tục phát huy lợi thế, năng lực hiện có, tận dụng mọi thời cơ cùng với sự nỗ lực quyết tâm vươn lên vượt qua mọi thách thức, cùng chung tay xây dựng Công ty ngày càng phát triển mạnh mẽ đồng thời đảm bảo quyền lợi tốt nhất đến Quý cổ đông, khách hàng, chăm sóc tốt đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, công nhân viên, người lao động và cam kết sử dụng hiệu quả tài nguyên, môi trường gắn với phát triển bền vững.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời tri ân đến Quý cổ đông, Khách hàng và Đối tác đã luôn đồng hành cùng Công ty. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới toàn thể người lao động vì những nỗ lực hết mình đóng góp cho thành quả của Công ty trong thời gian qua.

Trân trọng cảm ơn!

Chủ tịch HĐQT (đã ký)



# Con số nổi bật

1.337,64 tỷ VNĐ

TỔNG DOANH THU HỢP NHẤT

↑ 97,1% kế hoạch 2020

↑ 10,74% so với thực hiện năm 2019

1.000,52 tỷ VNĐ

TỔNG DOANH THU CÔNG TY MẸ

↑ 2,5% kế hoạch 2020

↑ 9,04% so với thực hiện năm 2019

181,90 tỷ VNĐ

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ HỢP NHẤT

↑ 26,57% so với thực hiện năm 2019

131,35 tỷ VNĐ

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ CÔNG TY MẸ

Đạt kế hoạch năm 2020

↑ 4,65% so với thực hiện năm 2019

159,34 tỷ VNĐ

LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT

↑ 5,3% kế hoạch về lợi nhuận 2020

↑ 22,12% so với thực hiện năm 2019

120,84 tỷ VNĐ

LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT

Đạt kế hoạch năm 2020

↑ 1,34% so với thực hiện năm 2019



# Giới thiệu chung

## TÂM NHÌN

Trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các Dịch vụ ngoài khơi và Cứu hộ cứu nạn tại Việt Nam.

## SỨ MỆNH

- ◆ Với hệ thống - Góp phần xây dựng thành công trụ cột thứ 3 của TCSG trong việc phát triển trở thành Binh đoàn kinh tế biển;
- ◆ Với khách hàng và đối tác - Mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng, tạo dựng mối quan hệ uy tín, tin cậy, hợp tác lâu dài với đối tác;
- ◆ Là niềm tin vững chắc, gắn kết lợi ích của công ty với lợi ích chung của người lao động, cổ đông và trách nhiệm với cộng đồng.

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Tiên phong



Chuyên nghiệp



Sáng tạo



Hiệu quả



Nhân ái

---

|                       |   |       |  |
|-----------------------|---|-------|--|
| TÊN CÔNG TY           | CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG   |       |  |
| TÊN VIẾT TẮT          | TCO   |       |  |
| TÊN TIẾNG ANH         | Tan Cang Offshore Services Joint Stock Company  |       |  |
| MÃ CHỨNG KHOÁN        | TOS   |       |  |
| VỐN ĐIỀU LỆ           | 265.000.000.000 đồng  |       |  |
| GIẤY CNĐKDN           | Đăng ký kinh doanh số 0311638652, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp |       |  |
| TRỤ SỞ CHÍNH          | Số 722, Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh  |       |  |
| ĐIỆN THOẠI            | 028 3941 3981   | FAX   | 028 3821 6446  |
| WEBSITE               | <a href="http://www.tancangoffshore.com">www.tancangoffshore.com</a>  | EMAIL | <a href="mailto:commercial@tco.com.vn">commercial@tco.com.vn</a> |
| NGÀNH NGHỀ KINH DOANH | Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)   |       |  |

---

# Ngành nghề kinh doanh chính

Với định hướng phát triển quản lý và khai thác đội tàu dịch vụ cho ngành dầu khí làm nền tảng, TCO đã triển khai các lĩnh vực hoạt động sau:

- ◆ Tàu dịch vụ dầu khí & Tàu bảo vệ địa chấn;
- ◆ Vận chuyển & Lắp đặt công trình biển;
- ◆ Lai kéo & Cứu hộ cứu nạn;
- ◆ Khảo sát công trình ngầm;
- ◆ Lai dắt tại cảng & dịch vụ hàng hải gần bờ;
- ◆ Quản lý - Khai thác cảng & Đầu tư tài chính;
- ◆ Dịch vụ quản lý khách sạn & Du lịch;
- ◆ Dịch vụ Cung ứng;

## Địa bàn kinh doanh

Hiện tại, dịch vụ của TCO đã được cung cấp đến các khách hàng chủ yếu tại các quốc gia như: Nga, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Malaysia, Việt Nam, Thái Lan, Myanmar, Bangladesh. Với chiến lược mở rộng các dịch vụ hiện có, TCO đặt mục tiêu đa dạng hóa danh mục khách hàng và tăng hiệu quả kinh doanh trên địa bàn hoạt động hiện có.



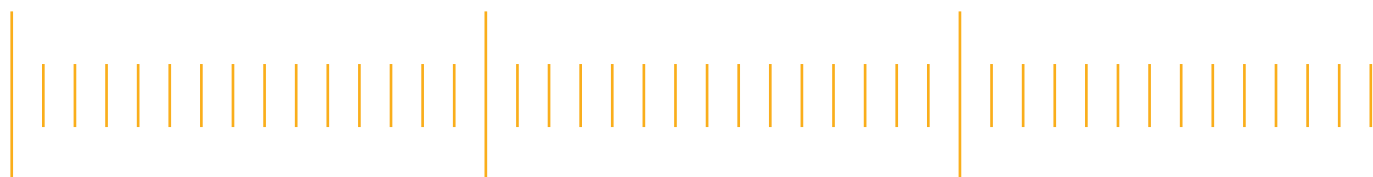
# Quá trình hình thành và phát triển

• Công ty đăng ký mức vốn ban đầu là 91.500.000.000 VND với 03 cổ đông sáng lập

Đại hội đồng cổ đông công ty đã thông qua phương pháp tăng vốn điều lệ lên 250.000.000.000 VND bằng nguồn lợi nhuận để lại từ năm 2012 đến hết quý 1/2015 và Bà Nguyễn Kim Dung mua cổ phần phát hành thêm bằng giá trị với tổng giá trị là 5.000.000.000 VND

17/03/2012

22/04/2015



09/07/2012

• Công ty đã đăng ký thay đổi đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ lên 150.000.000.000 VND theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông số 02 / 2012 / QĐ / ĐHĐCĐ ngày 14/08/2012

Công ty Cổ phần Dịch Vụ Biển Tân Cảng, gọi tắt là (TCO) là đơn vị trực thuộc Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (TCT TCSG) vốn là một đơn vị có thế mạnh khai thác các cảng biển container lớn trên toàn quốc với thị phần lên đến trên 50% cả nước. TCO được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 2012 với ngành nghề kinh doanh chính là hoạt động dịch vụ cho ngành dầu khí, đặc biệt là thị trường dịch vụ ngoài khơi, vốn là một trong những trụ cột kinh doanh chính của TCT TCSG. Lấy dịch vụ cung ứng tàu dịch vụ dầu khí đa năng làm then chốt và nền tảng, hướng đến mục tiêu trở thành một trong những đơn vị cung cấp dịch vụ cho ngành dầu khí hàng đầu Việt Nam và khu vực.

Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua tăng vốn điều lệ lên 265.000.000.000 VND thông qua phát hành cổ phiếu để thưởng thức cho các cổ đông hiện hữu theo đúng tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ tại Công ty, lấy nguồn từ lợi nhuận để trở lại năm 2015 theo Nghị quyết số 02/2016 / NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2016.

Danh sách cổ đông bao gồm 160 cổ đông, vốn điều lệ thực góp là 265.000.000.000 VND

2016

12/05/2019

13/06/2015

27/04/2016

Công ty được chuyển đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 5 với vốn điều lệ là 250.000.000.000 VND.

Công ty được cấp giấy chứng nhận thay đổi doanh nghiệp lần thứ 6 với vốn điều lệ là 265.000.000.000 đồng.



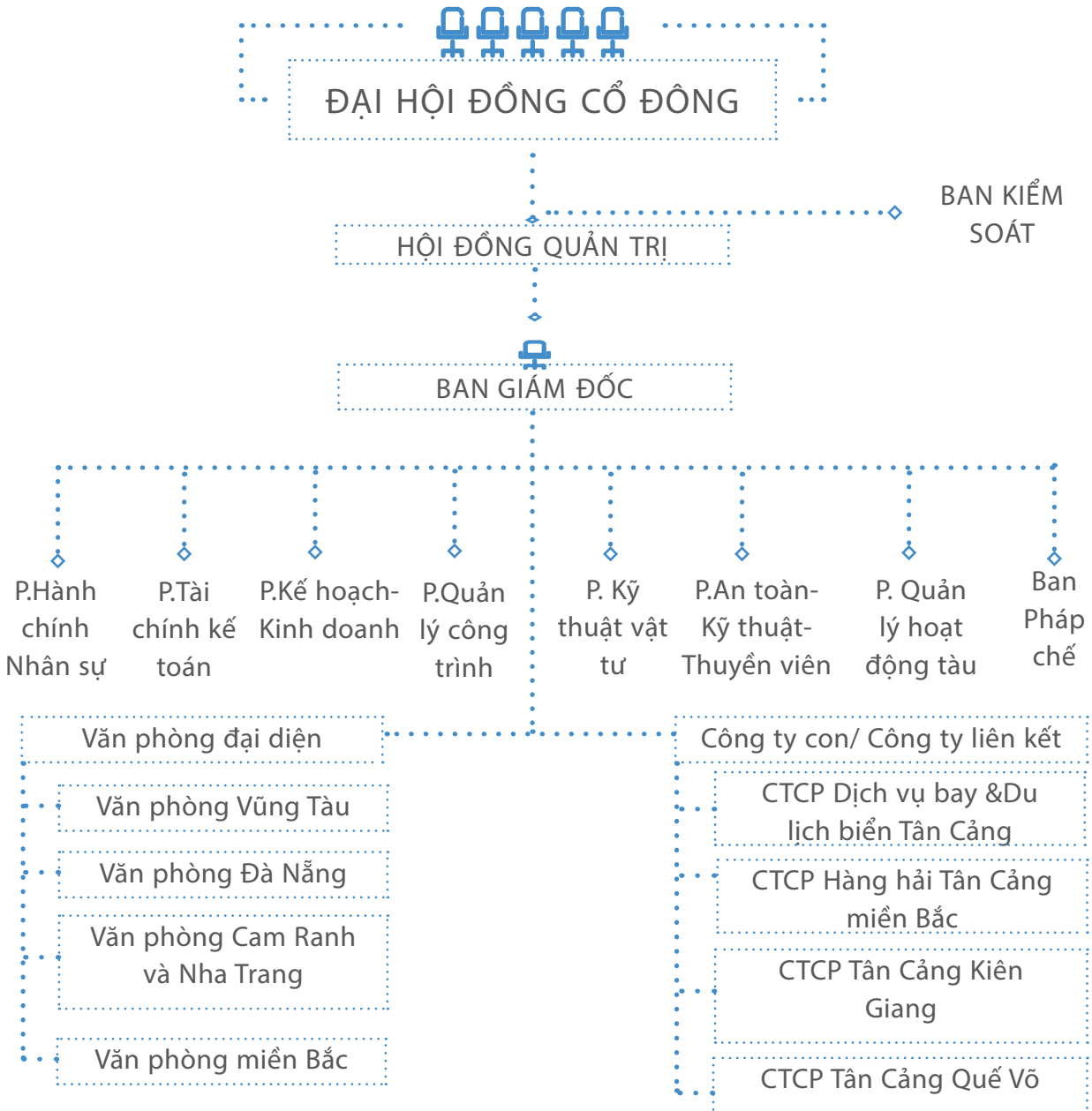
# Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Năm 2020, TCO hoạt động theo mô hình được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp 2020, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc. Công ty chưa có tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

Đáp ứng nhu cầu quản trị và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, TCO hiện có 8 phòng ban chức năng, 04 văn phòng đại diện và 04 Công ty con/ Công ty liên kết. Chi tiết cơ cấu và sơ đồ tổ chức các lĩnh vực kinh doanh như sau:



# Giới thiệu công ty con và công ty liên kết

Tính đến thời điểm 31/12/2020, mô hình hoạt động của TCO bao gồm 04 công ty con và 01 công ty liên kết.

| TÊN CÔNG TY<br>CON                              | ĐỊA CHỈ   | LĨNH VỰC KINH DOANH   | TỶ LỆ<br>SỞ HỮU |
|---|---|---|-----------------|
| CTCP DỊCH VỤ<br>BAY VÀ DỊCH VỤ<br>BIỂN TÂN CẢNG | 722 Điện Biên Phủ, Phường 22,<br>Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí<br>Minh                                | Cung cấp thực phẩm; đại lý du<br>lịch; kinh doanh khách sạn; bán<br>lẻ lương thực, thực phẩm, đồ<br>uống; cho thuê máy móc thiết<br>bị. | 51%             |
| CTCP TÂN CẢNG<br>KIÊN GIANG                     | 39 Trần Hưng Đạo, Khu phố<br>Kiên Tân, Thị trấn Kiên Lương,<br>huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên<br>Giang | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác<br>liên quan đến vận tải  | 60%             |
| CTCP HÀNG HẢI<br>TÂN CẢNG MIỀN<br>BẮC           | 722 Điện Biên Phủ, Phường 22,<br>Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí<br>Minh                                | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực<br>tiếp cho tải đường thủy  | 54%             |
| CTCP CUNG ỨNG<br>TCOTS – CÁT LÁI<br>(*)         | 162/24 đường 42, Khu phố 5,<br>Phường Bình Trưng Đông, Quận<br>2, TP. Hồ Chí Minh                   | Hoạt động bán hàng siêu thị,<br>cung cấp dịch vụ ăn uống  | 51%             |

(\*) Công ty con gián tiếp thông qua CTCP Dịch vụ Bay và Dịch vụ Biển Tân Cảng.

| TÊN CÔNG TY<br>LIÊN KẾT | ĐỊA CHỈ   | LĨNH VỰC KINH DOANH                                   | TỶ LỆ<br>SỞ HỮU |
|-------------------------|---|---|-----------------|
| CTCP TÂN CẢNG<br>QUẾ VÕ | Thôn Kiều Lương, xã Châu<br>Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc<br>Ninh | Hoạt động đầu tư cảng cạn ICD<br>tại Quế Võ, Bắc Ninh | 40%             |

# Giới thiệu ban lãnh đạo

## THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị TCO gồm 03 thành viên. Tất cả thành viên Hội đồng quản trị của TCO đều là những người có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và am hiểu sâu sắc môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế.

| STT | THÀNH VIÊN         | CHỨC VỤ           |
|-----|--------------------|-------------------|
| 1   | Ông Ngô Trọng Phàn | Chủ tịch HĐQT     |
| 2   | Ông Nguyễn Sơn     | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3   | Lê Đăng Phúc       | Phó Chủ tịch HĐQT |

### Ông Ngô Trọng Phàn

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1963 Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kế Toán-tài chính

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 163.333 cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu: 0,6164%

- ◆ 1989 - 1996: Trưởng phòng tài chính - Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn;
- ◆ 1996 - 2006: Trưởng phòng Tài chính kiêm Kế toán trưởng - Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn;
- ◆ 2006 - nay: Phó tổng giám đốc - Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn;
- ◆ 12/2007 - nay: Chủ tịch HĐQT- Công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình;
- ◆ 03/2012 - nay: Chủ tịch HĐQT-Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng;
- ◆ 01/2016-nay: Chủ tịch HĐQT- Công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình;



## Ông Nguyễn Sơn

Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1974 Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 245.000 cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu: 0,9245%

- ◆ 1998 - 2005: Trợ lý giám đốc, Phó phòng kế hoạch- Kinh doanh Công ty 128 - Bộ quốc phòng;
- ◆ 2005 - 2008: Giảng viên chính, Giám đốc trung tâm tư vấn du học- Trường Đại học Hải Phòng;
- ◆ 4/2008 - nay: Tổng giám đốc- Công ty cổ phần đầu tư quản lý tài sản Á Châu;
- ◆ 3/2012 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT- Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng;
- ◆ 3/2016- nay: Thành viên HĐQT- Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC;

## Ông Lê Đăng Phúc

Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1976 Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế

Số lượng cổ phiếu sở hữu: 1.257.667 cổ phiếu

Tỷ lệ sở hữu: 4,7459%

- ◆ 1997 - 1999: Maersk Line Hà Nội;
- ◆ 1999 - 2009: Phó Giám đốc- Công ty VietFracht Hải Phòng;
- ◆ 2009 - 2012: Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Đầu tư và quản lý Tài sản Á Châu;
- ◆ 2012 - nay: Giám đốc- Công ty CP Dịch vụ Biển Tân Cảng;
- ◆ 2012 - nay: Thành viên HĐQT - Công ty CP Dịch vụ Biển Tân Cảng;
- ◆ 2015 - nay: Chủ tịch HĐQT- Công ty CP Bay và du lịch biển Tân Cảng;
- ◆ 2018 - nay: Chủ tịch HĐQT- Công ty CP Hàng Hải Tân Cảng Miền Bắc;
- ◆ 2017 - nay: Thành Viên HĐQT- Công ty CP Vận Tải Biển Tân Cảng;

## THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát TCO gồm 03 thành viên là những người có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đồng thời có đầy đủ các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS theo đúng quy định pháp luật liên quan.

### Ông Phạm Huy Vũ

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1985

Quốc tịch: Việt nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán kiểm toán

### Bà Nguyễn Thị Gấm

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1983

Quốc tịch: Việt nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật, Luật sư

### Bà Nguyễn Thị Bạch Cúc

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1985

Quốc tịch: Việt nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

# THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành của TCO gồm 04 thành viên.

## Ông Lê Đăng Phúc

Giám đốc

Xem thông tin tại mục Hội đồng quản trị

## Ông Phạm Thanh Bình

Phó Giám đốc

Năm sinh: 1980

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

## Ông Nguyễn Quốc Dũng

Phó Giám đốc

Năm sinh: 1967

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ

## Ông Nguyễn Mạnh Cường

Phó Giám đốc

Năm sinh: 1962

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

# Nguồn lực

## NGUỒN NHÂN LỰC

TCO đã xây dựng được nguồn nhân lực chuyên nghiệp, có chuyên môn nghiệp vụ cao, giàu kinh nghiệm và tính sáng tạo. Tính đến thời điểm 31/12/2020, tổng số lao động của toàn bộ hệ thống là 322 nhân sự, cụ thể:

| TIÊU CHÍ                                   | NĂM 2019            |                 | NĂM 2020            |                 |
|--|---------------------|-----------------|---------------------|-----------------|
|  | Số lượng<br>(người) | Tỷ trọng<br>(%) | Số lượng<br>(người) | Tỷ trọng<br>(%) |
| Theo trình độ lao động                     | 313                 | 100             | 322                 | 100             |
| Trình độ Đại học và trên Đại học           | 149                 | 48              | 151                 | 47              |
| Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 125                 | 40              | 120                 | 37              |
| Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật               | 25                  | 8               | 28                  | 9               |
| Lao động phổ thông                         | 14                  | 4               | 23                  | 7               |
| Theo giới tính                             | 313                 | 100             | 322                 | 100             |
| Nam  | 293                 | 94              | 303                 | 94              |
| Nữ   | 20                  | 6               | 19                  | 6               |
| Theo độ tuổi                               | 313                 | 100             | 322                 | 100             |
| Từ 18 đến 25 tuổi                          | 17                  | 5               | 20                  | 6               |
| Từ 26 đến 35 tuổi                          | 105                 | 34              | 125                 | 39              |
| Từ 36 đến 45 tuổi                          | 113                 | 36              | 103                 | 32              |
| Trên 45                                    | 78                  | 25              | 74                  | 23              |

## CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT

Đội tàu dịch vụ của TCO : TCO hiện đang sở hữu và quản lý đội tàu gồm 19 tàu, đa dạng về công suất và chủng loại với các tàu dịch vụ sở hữu hệ thống định vị động học thế hệ thứ 2 (Dynamic Positioning II), các tàu có khả năng hỗ trợ trong các chiến dịch khoan, thăm dò, khai thác dầu khí, chữa cháy, cứu hộ cứu nạn trên biển, trục mỏ, bảo vệ các công trình ngoài khơi và đội tàu lai kéo chân vịt mũi Azimuth) phục vụ hoạt động lai dắt trong cảng và hoạt động hàng hải gần bờ... Đội tàu trên được quản lý và vận hành bởi đội ngũ thuyền viên Việt Nam và quốc tế với năng lực chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm. Ngoài ra, Công ty còn đang sở hữu 02 sà lan thi công biển tải trọng lớn, phục vụ các công tác vận chuyển công trình biển và 02 thiết bị điều khiển lặn (Remote Operating Vehicle) chuyên dụng cho các dự án khảo sát, sửa chữa và thi công các công trình ngầm dưới đáy biển. Chi tiết đội tàu dịch vụ và trang thiết bị như sau:

| TÊN TÀU           | Chủng loại | Công suất  | TÊN TÀU      | Chủng loại | Công suất |
|-------------------|------------|------------|--------------|------------|-----------|
| TC Dolphin (DP2)  | PSV        | 6.000 BHP  | Tan Cang 88  | AHTS       | 3.550 BHP |
| Tan Cang 66 (DP2) | PSV        | 5.540 BHP  | Tan Cang 86  | Azimuth    | 5.600 BHP |
| TC Queen (DP2)    | AHTS       | 12.240 BHP | Tan Cang 62  | Azimuth    | 4.000 BHP |
| TC Fortune (DP2)  | AHTS       | 12.240 BHP | Tan Cang A18 | Azimuth    | 3.600 BHP |
| Tan Cang 89 (DP2) | AHTS       | 10.800 BHP | Tan Cang A36 | Azimuth    | 3.600 BHP |
| TC Dragon (DP2)   | AHTS       | 8.000 BHP  | Tan Cang A8  | Azimuth    | 3.350 BHP |
| TC Eagle (DP2)    | AHTS       | 6.000 BHP  | Tan Cang A4  | Azimuth    | 2.400 BHP |
| Evay (DP2)        | AHTS       | 10.800 BHP | Tan Cang 68  | Tug        | 2.800 BHP |
| Tan Cang 63 (DP1) | AHTS       | 5.000 BHP  | Tan Cang 10  | Tug        | 1.200 BHP |
| TC Royal (DP2)    | PSV        | 6.000 BHP  |              |            |           |

- AHTS: tàu dịch vụ đa năng
- Tug: Tàu lai kéo
- DP1: trang bị hệ thống định vị động học DP 1
- DP2: trang bị hệ thống định vị động học DP 2
- Azimuth: Hệ thống chân vịt azimuth

# THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÔNG TÁC VẬN CHUYỂN VÀ CÔNG TÁC KHẢO SÁT CÁC CÔNG TRÌNH NGẦM

| STT | Tên phương tiện  | Đặc tính kỹ thuật  |
|-----|--|--|
| 1-2 | Sà lan Tân Cảng – Sài Gòn 01<br>Sà lan Tân Cảng – Sài Gòn 02 | Sà lan có thể vận chuyển cấu kiện phục vụ xây lắp các công trình biển như chân đế, cọc bê tông, ống dẫn, cần cẩu...trọng tải lên đến 8.000 DWT.                                |
| 3   | Thiết bị khảo sát ROV Light work                             | ROV Commanche là thiết bị lập điều khiển từ xa với công suất 50 BHP chuyên dụng cho các hoạt động khảo sát, sửa chữa các công trình ngầm dưới nước, có thể lặn sâu đến 3.000m. |



| STT | Tên phương tiện                  | Đặc tính kỹ thuật   |
|-----|----------------------------------|---|
| 4   | Thiết bị khảo sát ROV Work Class | ROV ATOM là thiết bị lặn điều khiển từ xa với công suất lớn 100 BHP dùng để khảo sát, sửa chữa với độ khó cao cho các công trình ngầm dưới nước, khả năng lặn sâu đến 3.000m. |



# Thông điệp của Giám đốc

Kính thưa quý vị cổ đông,

Năm 2020 kinh tế thế giới có nhiều biến động phức tạp. Kinh tế Việt Nam tăng trưởng ổn định, Theo IMF, kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng mức 2,4% và là một trong bốn nền kinh tế trên thế giới có được sự tăng trưởng về GDP bình quân đầu người. Việt Nam đã kiểm soát, khống chế dịch bệnh Covid-19 trong khi dịch bệnh vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp trên toàn cầu. Tổ chức Y tế Thế giới, cộng đồng quốc tế đánh giá cao và cho rằng Việt Nam nằm trong số ít các quốc gia kiểm soát tốt dịch bệnh, có cách làm đúng, kịp thời, hiệu quả, chi phí thấp.

Năm 2020, chúng ta gặp một số khó khăn như đại dịch Covid 19, thiên tai bất thường gây ra những hệ lụy chưa từng có tiền lệ, ảnh hưởng nặng nề đến các mảng hoạt động sản xuất kinh doanh. Với hơn 13 cơn bão trong năm 2020, khiến cho hoạt động trên biển hết sức khó khăn, nguy hiểm. Điều này đã khiến cho dự án cơ sở hạ tầng bị gián đoạn gây sức ép lên dòng tiền SXKD và tăng chi phí tài chính.

Tuy nhiên, bằng sự nỗ lực, sáng tạo và quyết tâm của Ban lãnh đạo Công ty, lãnh đạo các phòng ban, các đơn vị thành viên và tập thể CBNV Công ty đã phát huy mạnh mẽ năng lực và lợi thế của TOS. Thêm vào đó, nhận được sự hỗ trợ, định hướng kịp thời của QCHQ, TCT TCSG trong các hoạt động sản xuất kinh doanh; trang thiết bị hiện đại, nguồn nhân lực chất lượng và hệ thống quản lý kiện toàn. Uy tín thương hiệu TCO đã được định vị rõ rệt trên thị trường trong nước và nước ngoài trong suốt thời gian qua. Tận dụng các chính sách hỗ trợ về thuế và ưu đãi lãi suất kịp thời của Chính phủ, Công ty đã liên tục có những giải pháp linh hoạt, chủ động ứng phó với tình hình thực tế, với hàng loạt dự án triển khai tốt trong năm. Kết thúc năm 2020, doanh thu hợp nhất hoàn thành của công ty đạt 1.337,64 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 181.900 triệu đồng.

Với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao và ủng hộ của HĐQT và BKS, TCO với chủ trương chuyên nghiệp, sáng tạo, giàu kinh nghiệm sẽ tiếp tục phát huy cao nhất hiệu quả nguồn lực, tiếp tục khẳng định và tăng cường vị thế của Công ty.

Ban điều hành xin gửi lời cảm ơn các quý vị, quý cổ đông, quý khách hàng, đối tác, HĐQT cũng như các tập thể cá nhân đã đặt niềm tin và luôn đồng hành cùng chúng tôi.

Trân trọng cảm ơn,

Lê Đăng Phúc

Giám đốc (Đã ký)



## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| CHỈ TIÊU                             | NĂM 2019          | NĂM 2020          | TĂNG/ GIẢM (%) |
|--------------------------------------|-------------------|-------------------|----------------|
| DOANH THU THUẦN (ĐỒNG)               | 1.202.133.532.679 | 1.319.693.637.341 | 9,78           |
| DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (ĐỒNG) | 1.754.107.873     | 3.109.400.308     | 77,26          |
| GIÁ VỐN HÀNG BÁN (ĐỒNG)              | 906.558.249.521   | 995.511.762.018   | 9,81           |
| CHI PHÍ TÀI CHÍNH (ĐỒNG)             | 79.832.707.788    | 72.307.135.635    | (9,43)         |
| LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (ĐỒNG)          | 143.709.784.641   | 181.900.557.434   | 26,57          |
| LỢI NHUẬN SAU THUẾ (ĐỒNG)            | 130.479.600.271   | 159.337.638.643   | 22,12          |

| CHỈ TIÊU  | NĂM 2019 | NĂM 2020 |
|---|----------|----------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>           |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)                     | 0,99     | 1,19     |
| Hệ số thanh toán nhanh (lần)                        | 0,88     | 1,08     |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn và đảm bảo lãi vay</b> |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản                               | 0,64     | 0,53     |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                             | 1,59     | 1,14     |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>            |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho (lần)                        | 27,07    | 17,03    |
| Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân             | 1,19     | 0,69     |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>             |          |          |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần           | 0,11     | 0,12     |
| Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)          | 0,17     | 0,2      |
| Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)            | 0,13     | 0,08     |
| Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DTT                         | 0,12     | 0,13     |

# Báo cáo của Ban Giám đốc

## ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

### Bối cảnh thực hiện kế hoạch SXKD 2020

#### Thuận lợi:

Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng (TCO) luôn nhận được sự hỗ trợ, định hướng và quan tâm kịp thời của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn trong công tác sản xuất kinh doanh, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - quốc phòng.

Uy tín và thương hiệu TAN CANG OFFSHORE đã được định vị rõ rệt trên thị trường trong và ngoài nước trong suốt thời gian định hình và phát triển. TCO thiết lập nhiều mối quan hệ hợp tác lâu dài và tin cậy với các đối tác chiến lược trong thị trường tàu dịch vụ dầu khí tại khu vực để cùng phát triển kinh doanh, cung cấp các dịch vụ ngoài khơi tại các thị trường tiềm năng như Malaysia, Nga, Myanmar, Thái Lan và Phillipine.

TCO có lợi thế chủ động về phương tiện, trang thiết bị hiện đại khi triển khai các dự án trong nước, các nhiệm vụ kinh tế - quốc phòng và các dự án tàu dịch vụ dầu khí tại nước ngoài. Các cán bộ, công nhân viên của TCO có trình độ chuyên môn tốt, năng động, sáng tạo và có nhiều kinh nghiệm trong ngành dịch vụ ngoài khơi phục vụ ngành dầu khí.

Công ty cũng đã nhanh chóng tận dụng kịp thời các chính sách hỗ trợ về thuế và ưu đãi lãi suất kịp thời của chính phủ trong thời điểm dịch bệnh Covid-19 bùng phát tại Việt Nam.

#### Khó khăn:

Đại dịch Covid-19 gây ra những hệ lụy chưa từng có tiền lệ do đại dịch Covid 19 gây ra mang đến những khó khăn rất lớn đến các mảng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nhất là mảng dịch vụ quản lý khách sạn & dịch vụ.

Trong năm qua, sự sụt giảm đột biến về nguồn cung do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 khiến giá dầu giảm thấp nhất trong vòng 20 năm qua khiến khối lượng công việc, dự án trong nước tiếp tục khan hiếm và giá dịch vụ duy trì ở mức thấp so với các năm trước do các biến động tiêu cực từ giá dầu. Vì thế, sự cạnh tranh ngày càng gia tăng từ các đối thủ nội địa và nước ngoài trong công tác chào giá, chào thầu và cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Công tác marketing, tiếp cận và mở rộng thị trường đặc biệt là thị trường quốc tế cũng tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do các chính sách bảo hộ doanh nghiệp trong nước của các nước sở tại ngày càng gia tăng.

Năm 2020 cũng là một năm thiên tai bất thường với hơn 14 cơn bão trong năm 2020, khiến cho hoạt động trên biển triển khai một cách rất khó khăn và nguy hiểm.

## ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU DOANH THU, LỢI NHUẬN NĂM 2020

Trong bối cảnh khó khăn của năm 2019, TCO đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp, huy động mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành một cách quyết liệt nhằm cố gắng duy trì và hoàn thành mục tiêu SXKD năm 2020. Theo đó, kết quả kinh doanh hợp nhất thực hiện cả năm 2020 đạt 1.329 tỷ VNĐ doanh thu, đạt 96,39% kế hoạch năm 2020, tăng 10,2% so với thực hiện năm trước. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế thực hiện cả năm 2020 đạt 159,3 tỷ VNĐ, 105,3 % kế hoạch và tăng 22,1 % so với thực hiện 2019. Chi tiết kết quả thực hiện hợp nhất toàn hệ thống như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| CHỈ TIÊU             | THỰC HIỆN<br>NĂM 2019 | KẾ HOẠCH<br>NĂM 2020 | THỰC HIỆN<br>NĂM 2020 | TỶ LỆ<br>(TH/KH) |
|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|------------------|
| Doanh thu hợp nhất   | 1.206.643             | 1.378.800            | 1.329.067             | 96,39%           |
| Lợi nhuận trước thuế | 143.709               | 169.400              | 181.900               | 107,38%          |
| Lợi nhuận sau thuế   | 130.479               | 151.300              | 159.337               | 105,31%          |

Bảng: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của TCO

| CHỈ TIÊU  | NĂM 2019 | NĂM 2020 |
|---|----------|----------|
| Dịch vụ Tàu dịch vụ dầu khí & Bảo vệ địa chấn       | 389,5    | 443,4    |
| Dịch vụ Vận chuyển, lắp đặt công trình dầu khí biển | 45,95    | 130,2    |
| Dịch vụ Lai dắt & Cứu hộ cứu nạn                    | 170,8    | 194,2    |

Bảng: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của TCO

# CƠ CẤU DOANH THU CÁC MẢNG DỊCH VỤ CỐT LÕI

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| CHỈ TIÊU  | NĂM 2019 | NĂM 2020 |
|---|----------|----------|
| Dịch vụ Tàu dịch vụ dầu khí & Bảo vệ địa chấn       | 389,5    | 443,4    |
| Dịch vụ Vận chuyển, lắp đặt công trình dầu khí biển | 45,95    | 130,2    |
| Dịch vụ Lai dắt & Cứu hộ cứu nạn                    | 170,8    | 194,2    |
| Dịch vụ Khảo sát công trình ngầm                    | 16,1     | 41,7     |
| Quản lý khai thác cảng & Đầu tư tài chính           | 377      | 302,2    |
| Dịch vụ Quản lý khách sạn & Du lịch                 | 37,3     | 14       |
| Dịch vụ Cung ứng                                    | 166      | 203      |

## Dịch vụ Tàu dịch vụ dầu khí & Bảo vệ địa chấn

Trong năm 2020, tác động của “khủng hoảng kép” do đại dịch Covid 19 và giá dầu giảm sâu kéo dài đã khiến hàng loạt dự án thăm dò và khai thác dầu khí phải gián tiến độ hoặc dừng triển khai. Trước tình hình đó, TCO đã tiếp tục duy trì, giữ vững thị trường trong nước và đồng thời tích cực phát triển thị trường nước ngoài cụ thể là thị trường Malaysia, Thái Lan và Nga.

Kết quả doanh thu thực hiện cả năm 2020 đạt 443,4 tỷ đồng, tăng 13,8% so với thực hiện năm trước.

## Dịch vụ Vận chuyển, lắp đặt công trình dầu khí biển

Trong năm 2020, TCO đã triển khai một cách an toàn, theo đúng tiến độ các dự án vận chuyển công trình biển như Dự án vận chuyển ống phục vụ công tác lắp đặt đường ống dẫn khí Nam Công Sơn 2 và Dự án Vận chuyển ống phục vụ công tác lắp đặt đường ống dẫn khí mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt; Công ty cũng đã tiếp tục hoàn thành dịch vụ Vận chuyển 24 cầu RTG tuyến Lạch Huyện – Oita (Nhật Bản). Kết quả doanh thu mảng này đạt 130,2 tỷ đồng, tăng 283% so với thực hiện năm trước.

## Dịch vụ Khảo sát công trình ngầm

Kết quả doanh thu thực hiện cả năm đạt 41,7 tỷ đồng, tăng 225% so với cùng kỳ 2020. TCO đã triển khai an toàn hiệu quả 02 thiết bị khảo sát điều khiển từ xa (ROV) cùng đội chuyên gia khảo sát với trình độ cao đã thực hiện các dự án Khảo sát địa hình đáy biển, Khảo sát ngầm các công trình ngoài khơi, đảm bảo theo đúng chất lượng, tiến độ và quy trình theo tiêu chuẩn quốc tế IMCA.

## Dịch vụ lai dắt & Cứu hộ cứu nạn .....

Kết quả doanh thu thực hiện cả năm đạt 194,2 tỷ đồng, tăng 13,7% so với cùng kì năm 2019. Trong năm 2020, TCO đã phối hợp với các đơn vị cứu hộ/ cứu nạn trong và ngoài nước triển khai dịch vụ cứu hộ ngoài khơi, sử dụng tàu chuyên dụng với tính cơ động cao và hệ thống chữa cháy hiện đại để cấp cứu kịp thời, đảm bảo hỗ trợ cứu hộ cho các tàu gặp sự cố khi hải trình vùng biển ngoài khơi Việt Nam, góp phần bảo đảm an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường biển.

Xác định Cứu hộ cứu nạn trên biển là ngành dịch vụ mũi nhọn phát triển trong thời gian tới, TCO đã thực hiện ký kết các hợp đồng hợp tác với các đối tác lớn như: Clarkson, Nippon Salvage (Nhật Bản), SMIT Salvage (Đan Mạch), ARDENT Salvage (Mỹ), Quảng Châu Salvage (Trung Quốc), Korea Salvage (Hàn Quốc), cũng như các đơn vị Bảo hiểm trong và ngoài nước để có thể kết nối, ứng phó sự cố hàng hải trên biển một cách kịp thời.

Trong năm 2020, TCO tiếp tục triển khai dịch vụ tàu lai dắt, tàu hỗ trợ cập/ rời gấn bờ phục vụ tại Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Nhà máy Lọc hóa dầu Dung Quất, cảng container Lạch Huyện, cảng Cam Ranh, cảng Hòa Phát và phát triển thêm thị trường tàu lai dắt tại khu vực cảng Vĩnh Tân.

## Quản lý khai thác cảng & Đầu tư tài chính .....

Kết quả kinh doanh thực hiện cả năm đạt 302,2 tỷ đồng, giảm 8,7% so với cùng kì năm 2019. TCO hiện đang tiếp tục triển khai quản lý và vận hành an toàn cầu cảng và các thiết bị xếp dỡ hoạt động tại các cảng thuộc hệ thống cảng biển của SNP. Tuy nhiên, việc bàn giao lại khu vực bãi container & cầu cảng tại khu vực cảng Cát Lái cho SNP từ ngày 15/10/2019 đã ảnh hưởng đến thực hiện doanh thu & lợi nhuận của công ty trong năm 2020. TCO vẫn đang tiếp tục làm việc với Tổng Công ty về phương án khai thác tài sản trên đất, dự kiến hoàn thành trong năm 2021.

## Dịch vụ Quản lý khách sạn & Du lịch .....

Công ty CP Dịch vụ Bay và Du Lịch Biển Tân Cảng hiện đang quản lý và khai thác hệ thống Khách sạn Navy bao gồm: Khách sạn Navy Hotel Cam Ranh, Khách sạn Navy Hotel Đà Nẵng và Navy Hotel Đà Lạt và dịch vụ du lịch & vé máy bay. Trong năm 2020 đầy khó khăn do dịch bệnh Covid – 19, Công ty đã có những biện pháp quản trị kịp thời nhằm tiết giảm chi phí và duy trì hoạt động, doanh thu mảng dịch vụ này đạt 14 tỷ đồng.

## Dịch vụ Cung ứng .....

Công ty CP Dịch vụ Bay và Du Lịch Biển Tân Cảng (TCOTS) cũng là đơn vị triển khai hoạt động cung ứng nhu yếu phẩm cho các đơn vị Vùng 2 Hải Quân, Vùng 4 Hải Quân, cho các cảng trực thuộc SNP, cho các tàu dịch vụ dầu khí tại khu vực Vũng Tàu và các trường quốc tế tại khu vực Tp.HCM. Kết quả doanh thu mảng dịch vụ này trong năm 2020 đạt 203 tỷ đồng.

## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Năm 2020, TCO đã thực hiện công tác chuẩn bị và triển khai thủ tục đầu tư các dự án trong Kế hoạch đầu tư đã được Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Kết quả thực hiện giải ngân đầu tư trong năm 2020 bao gồm:

- Dự án đầu tư Sà lan công trình biển không tự hành “Tan Cang Sai Gon 02” với trọng tải GT/ NT 2225/667. Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ ngày 15/9/2020 với tổng mức đầu tư là 2,713,913,358 đồng, trong đó nguồn vốn vay là 8,899,739,351 đồng.

Tình trạng hoạt động của các Công ty con/Công ty liên kết như sau:

| TÊN CÔNG TY                                     | TỶ LỆ GÓP VỐN | GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ<br>(ĐỒNG) | ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ   |
|---|---------------|--------------------------|--|
| Công ty CP Dịch vụ bay và Du lịch Biển Tân Cảng | 51%           | 51.000.000.000           | Tập trung xây dựng thương hiệu:<br>- Navy Hotel: Quản lý và vận hành hệ thống khách sạn tại Cam Ranh – Nha Trang, Đà Lạt, Đà Nẵng.<br>- Tan Cang Catering: Cung ứng hậu cần cho các Vùng Hải quân, đối tác cảng biển và đội tàu tại khu vực Cam Ranh, TPHCM, Vũng Tàu. |
| Công ty CP Hàng hải Tân cảng Miền Bắc           | 54%           | 64.022.400.000           | Công ty liên doanh với đối tác Mitsui, Nhật Bản để phát triển các dịch vụ hàng hải gần bờ như lai dắt và cứu hộ cứu nạn tại khu vực cảng biển miền Bắc, miền Trung và mở rộng các dịch vụ này tại thị trường quốc tế.  |
| Công ty CP Tân Cảng Kiên Giang                  | 60%           | 30.000.000.000           | Đầu tư - Xây dựng - Quản lý cảng dịch vụ dầu khí tại cảng Hòn Chông - Kiên Giang nhằm phục vụ các hoạt động thăm dò và khai thác các mỏ khí tại khu vực biển phía Tây Nam, đặc biệt là dự án khí Lô B.   |
| Công ty CP Tân Cảng Quế Võ                      | 40%           | 156.450.800.000          | Đầu tư xây dựng các ICD khu vực phía Bắc, đặc biệt ICD Quế Võ là điểm kết nối, hỗ trợ, nâng cao chất lượng dịch vụ cho khách hàng tại khu vực cảng Lạch Huyện  |

# ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC KHÁC

## Về định hướng phát triển thị trường và quản lý sản xuất kinh doanh .....

Tổ chức thực hiện nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động SXKD và phát triển thị trường tại khu vực Đông Nam Á, cụ thể là tại Myanmar, Malaysia, Thái Lan và Nga; lập ngân sách hoạt động, chi tiêu, sửa chữa trang thiết bị, thực hành tiết kiệm trong tất cả các hoạt động SXKD.

Trong năm vừa qua, Ban lãnh đạo công ty cùng các vị trí quản lý chủ chốt đã tổ chức nghiên cứu, thảo luận và quyết định về Tầm nhìn, Sứ mệnh và Giá trị cốt lõi của công ty với định hướng phát triển tầm nhìn 2021 - 2025. Trong đó, Tầm nhìn là “**Trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các Dịch vụ ngoài khơi và Cứu hộ cứu nạn tại Việt Nam**”

## Về Nhân sự - Đào tạo .....

Nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ nhân sự, trong năm 2020, Công ty đã triển khai chuỗi chương trình đào tạo nội bộ cho CB-CNV các chuyên đề về Luật Doanh nghiệp, Luật Đấu thầu, Luật Lao động, Luật Đầu tư và các vấn đề Thuế hiện hành với giáo trình chuyên sâu về hoạt động sản xuất kinh doanh cho ngành hàng hải. Đồng thời, nhằm mục đích gia tăng tính chuyên nghiệp và trình độ của đội ngũ thuyền viên, Công ty cũng đã tổ chức hàng loạt các buổi đào tạo và tập huấn cho đội ngũ thuyền viên đang làm việc trên các tàu dịch vụ của công ty về công tác an toàn, an ninh trong các hoạt động hàng hải trên biển theo các hệ thống quản lý tàu và phương tiện hàng hải tiêu chuẩn quốc tế như SMS và IMCA.

## Về Quản trị rủi ro .....

Duy trì tốt việc áp dụng các hệ thống quản lý sức khỏe, an toàn, môi trường chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 – 2005 trong toàn hệ thống. Tiếp tục duy trì việc áp dụng các hệ thống quản lý tàu (Ship Management System), hệ thống IMCA và OVID cho các tàu dịch vụ, trang thiết bị, hướng đến tiêu chuẩn an toàn cao nhất cho ngành dầu khí trong nước và quốc tế.

# KẾ HOẠCH NĂM 2021

## Một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021

Trên cơ sở các thông tin về tình hình thị trường, những kết quả đạt được trong năm 2020 và các nhận định, đánh giá cơ hội, khó khăn trong bối cảnh giá dầu tiếp tục diễn biến khó lường và ảnh hưởng kéo dài của dịch Covid-19 đối với các mảng kinh doanh của Công ty trong thời gian tới, TCO đề ra Phương hướng hành động năm 2021 là “**Chuyên nghiệp hóa các mảng kinh doanh và mở rộng đầu tư**”, các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021 như sau:

| CHỈ TIÊU                                      | CHỈ TIÊU HỢP NHẤT | CHỈ TIÊU CÔNG TY MẸ |
|---|-------------------|---------------------|
| Tổng doanh thu kế hoạch năm 2021<br>(tỷ đồng) | 1.470             | 1.049               |
| Lợi nhuận sau thuế kế hoạch 2021<br>(tỷ đồng) | 170               | 130                 |

Bảng: Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của TCO năm 2021

## Kế hoạch đầu tư

- ◆ Tiếp tục triển khai thực hiện trẻ hóa đội tàu dịch vụ của Công ty nhằm tăng tính cạnh tranh và giảm thiểu chi phí khai thác. Trong đó, tập trung thanh lý các tàu dịch vụ cũ, có độ tuổi cao và đầu tư các tàu mới với trang thiết bị hiện đại, hệ thống định vị động học thế hệ 2 (DP2) và tuổi đời ít hơn 10 năm tuổi.
- ◆ Tiếp tục triển khai phát triển dự án Cảng Dịch vụ Dầu khí Hòn Chông, phục vụ các dự án khai thác tại Lô B.
- ◆ Tìm kiếm đầu tư thêm các cơ sở hạ tầng bến bãi, cảng sông/ cảng biển có vị trí chiến lược để đưa vào khai thác tại khu vực Long Sơn – BRVT và Khu công nghiệp Nghi Sơn – Thanh Hóa.



## Các giải pháp triển khai kế hoạch năm 2021

### VỀ TÀI CHÍNH – ĐẦU TƯ

- ◆ Tiếp tục triển khai đề án “Trẻ hóa đội tàu” nhằm bổ sung các tàu dịch vụ mới với trang thiết bị hiện đại.
- ◆ Công tác quản trị tài chính doanh nghiệp: chú trọng từ khâu lập kế hoạch tài chính hàng năm theo ngân sách, từ đó hoàn thiện hệ thống báo cáo quản trị, phân tích tài chính để làm cơ sở ra quyết định.
- ◆ Đẩy mạnh công tác tìm kiếm cơ hội đầu tư dài hạn nhằm tạo nguồn thu & đảm bảo an toàn tài chính trong tương lai, Tái cơ cấu các khoản nợ tận dụng nguồn vốn vay tín dụng với mức lãi suất thấp.
- ◆ Hoàn thiện hệ thống báo cáo tài chính đáp ứng theo tiêu chuẩn của Luật chứng khoán.

01

### VỀ ĐẢM BẢO KỸ THUẬT & AN TOÀN

- ◆ Quản lý kỹ thuật tàu chuyên sâu theo kế hoạch, ngân sách và theo hệ thống quản lý.
- ◆ Đẩy mạnh chiến dịch kiểm tra đội tàu, tiếp tục tổ chức các chương trình thực tập, đào tạo an ninh/ an toàn và sức khỏe hàng hải.
- ◆ Duy trì và kiểm tra nâng cao tình trạng kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu của khách hàng, các tổ chức, hiệp hội liên quan đến hoạt động khai thác tàu.

02

### VỀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN SỰ

- ◆ Tiếp tục các chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp, năng lực chuyên môn cho đội ngũ CBCNV & thuyền viên.
- ◆ Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ vào công tác quản lý dữ liệu, nhân sự và quản lý doanh nghiệp
- ◆ Xây dựng Lộ trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
- ◆ Đẩy mạnh truyền thông nội bộ nhằm lan tỏa văn hóa, sứ mệnh tầm nhìn, giá trị cốt lõi.

03

### VỀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

- ◆ Duy trì các thị trường/ khách hàng truyền thống và đẩy mạnh công tác phát triển thị trường mới tiềm năng.
- ◆ Tối ưu hóa nguồn lực, xây dựng các giải pháp dịch vụ theo chuỗi giá trị dựa trên lợi thế cạnh tranh của TCT TCSG.
- ◆ Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ cốt lõi có lợi thế cạnh tranh như tàu dịch vụ ra các thị trường trong khu vực.

04

# Báo cáo của Hội đồng quản trị

## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Năm 2020, chúng ta gặp một số khó khăn như Đại dịch Covid 19 gây ra những hệ lụy chưa từng có tiền lệ, ảnh hưởng nặng nề đến các mảng hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm thiên tai bất thường. Với hơn 13 cơn bão trong năm 2020, khiến cho hoạt động trên biển hết sức khó khăn, nguy hiểm. Điều này đã khiến cho dự án cơ sở hạ tầng bị gián đoạn gây sức ép lên dòng tiền SXKD và tăng chi phí tài chính. Những điều này đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động SXKD của công ty. Nhận diện rõ ràng về các thách thức, khó khăn, HĐQT đã chủ động, nỗ lực cùng Ban điều hành lãnh đạo Công ty và các Đơn vị thành viên vượt qua nhiều khó khăn, biến động để hoàn thành các chỉ tiêu SXKD đã đặt ra, tạo điều kiện thuận lợi để Công ty cổ phần dịch vụ biển Tân Cảng tiếp tục ổn định, nắm bắt và hiện thực hóa thành công những cơ hội trong thời gian tới.

Việc quản lý Công ty của HĐQT trong năm 2020 tiếp tục thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban giám đốc và các Đơn vị của Công ty, tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ hiện hành, thông tin minh bạch theo đúng chuẩn mực, tạo được lòng tin của các cổ đông, NLD, cơ quan quản lý Nhà nước và khách hàng.

HĐQT nghiêm túc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020 đã được ĐHCĐ phê duyệt, ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và tổ chức nhân sự theo đúng Quy định hiện hành, tăng cường tính chủ động, linh hoạt trong việc thực hiện các dự án đầu tư, chỉ đạo thực hiện công tác tại Công ty.

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT

- Năm 2020, HĐQT không có sự thay đổi về số lượng và thành phần thành viên HĐQT (03 thành viên), Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp của HĐQT.
- HĐQT đã lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT.
- Các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được phân công, cụ thể:
  - ◆ Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm quản lý chung, giám sát các vấn đề về tài chính của Công ty đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Chủ trì triệu tập, tổ chức các cuộc họp để phân công nhiệm vụ giữa các thành viên; thông qua các Nghị quyết của HĐQT đúng quy định, đảm bảo kịp thời, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
  - ◆ Phó Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm giám sát về các hoạt động đầu tư của Công ty, nghiên cứu, tìm kiếm và đề xuất triển khai thực hiện các dự án đầu tư, hợp tác đầu tư mới; theo dõi, giám sát và đưa ra các khuyến nghị với Ban Điều hành liên quan việc triển khai thực hiện các dự án đã được thông qua.
  - ◆ Thành viên HĐQT còn lại kiêm Giám đốc, có nhiệm vụ tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động SXKD hàng ngày của Công ty.

# HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị thực hiện công tác quản trị và giám sát hoạt động của Ban giám đốc thông qua Điều lệ và các Nghị quyết, quy chế, quy định đã được Hội đồng quản trị thông qua, ban hành. Đồng thời, Hội đồng quản trị cũng đã có những nhận xét, đánh giá và chỉ đạo trực tiếp Ban giám đốc về các vấn đề quan trọng trong công tác điều hành và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo tất cả các hoạt động của Công ty tuân thủ đúng pháp luật, thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Công ty thực hiện đúng quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát. Do đó, Công việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ban giám đốc thuận lợi, việc giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được duy trì thường xuyên và chặt chẽ.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện một số nội dung chính như sau:

- ◆ Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 mà Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã đề ra, mặc dù tình hình kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid - 19. Công ty thành công trong việc cung cấp dịch vụ offshore ra nước ngoài và cứu hộ cứu nạn.
- ◆ Hoạt động của Công ty bám sát mục tiêu của năm 2020 ( Nâng cao tinh thần hợp tác; Xây dựng văn hóa doanh nghiệp; Tăng cường công tác quản trị hiệu quả ) Hội đồng quản trị đã đề ra.
- ◆ HĐQT thực hiện công tác quản trị đối với hoạt động của Ban điều hành và Giám đốc Công ty thông qua các Nghị quyết, quy chế, quy định đã được HĐQT thông qua và Điều lệ Công ty.
- ◆ HĐQT thực hiện giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Ban điều hành và Giám đốc Công ty tại các cuộc họp HĐQT định kỳ/đột xuất, trao đổi trực tiếp/email,... nhằm cập nhật kịp thời tình hình SXKD của Công ty.
- ◆ Hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng (Tháng 12/2020 ). Đang thực hiện tỷ tục đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- ◆ Tiếp tục thực hiện chủ trương “ trẻ hóa đội tàu ”.

Nhìn chung, Ban giám đốc đã tích cực, chủ động trong việc điều hành, bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban giám đốc cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty trong việc hoàn thành tốt kế hoạch SXKD năm 2020 và các nhiệm vụ được giao, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- ◆ Đến thời điểm hiện nay, TCO đã là một trong những Công ty về offshore hàng đầu tại Việt Nam, đang không ngừng mở rộng ra thị trường quốc tế. Công ty cũng đã tận dụng được thời điểm biến động giá tài để tiếp tục cơ cấu và trẻ hóa đội tàu.
- ◆ Năm 2020, Ban điều hành đã không ngừng xây dựng, hoàn thiện các quy trình về an toàn, quản lý nội bộ, tăng hiệu quả hoạt động của phương tiện, kiểm soát hiệu quả các chi phí hoạt động, xây dựng các ngân sách, kế hoạch hoạt động cho từng mảng dịch vụ.
- ◆ Năm 2020, dưới sự điều hành của Giám đốc, Công ty đã quản lý và điều hành hệ thống nhân sự ổn định và đã triển khai nhiều chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý và CBNV.

## HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Không có

## PHƯƠNG HƯỚNG HÀNH ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2021

### Nhận định xu hướng 2021

- ◆ Tình hình dịch bệnh Covid 19 tiếp tục có những diễn biến khó lường. Ảnh hưởng trọng đến các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ du lịch & khách sạn; làm trì trệ các hoạt động tìm kiếm và khai thác dầu khí trong và ngoài nước.
- ◆ Yêu cầu về chất lượng dịch vụ và an toàn hoạt động ngày càng tăng cao của ngành tàu dịch vụ dầu khí cùng với Xu hướng chuyển dịch năng lượng từ năng lượng hóa thạch sang năng lượng tái tạo tiếp tục được chú trọng tại trong nước và khu vực .Vi vậy, cần tiếp tục đẩy mạnh chủ trương “Trẻ hóa đội tàu” và nghiên cứu đầu tư các dòng tàu mới.
- ◆ Kinh tế Việt Nam được đánh giá sẽ tiếp tục là điểm sáng thu hút đầu tư trong các năm tới. Vì vậy, cần tập trung chuyên môn hóa các mảng kinh doanh hiện có, đồng thời, dựa trên những tiềm lực sẵn có để nghiên cứu cơ hội đầu tư mở rộng các thị trường tiềm năng khác.
- ◆ Xu hướng chuyển đổi số trong doanh nghiệp ngày càng tăng tốc, nhất là trong thời điểm dịch bệnh phức tạp. Vì vậy mỗi doanh nghiệp/ đơn vị cần chủ động nghiên cứu đầu tư & áp dụng CNTT trong công việc và quản lý doanh nghiệp như các phần mềm quản lý nhân sự, quản lý vật tư vv...

### Phương hướng hành động 2021



# Các dự án triển khai năm 2021



- ◆ Tiếp tục triển khai đề án trẻ hóa đội tàu: Tiếp tục thực hiện đề án trẻ hóa đội tàu, đầu tư các tàu dịch vụ dầu khí hiện đại, tuổi đời trẻ và thanh lý các tàu cũ như: TC 69, TC Princess, TC 63.
- ◆ Cảng dịch vụ Dầu khí tại Hòn Chông & Long Sơn: Tiếp tục triển khai phát triển dự án Cảng Dịch vụ Dầu khí Hòn Chông, phục vụ các dự án khai thác tại Lô B; Nghiên cứu, phát triển khu cảng dịch vụ phục vụ các dự án điện gió tại Long Sơn.
- ◆ Phát triển các thị trường mới trong nước và khu vực: Nghiên cứu phát triển dịch vụ tàu dịch vụ dầu khí tại các thị trường dầu khí lớn trong khu vực như Thái Lan, Myanmar, Malaysia.
- ◆ Hoàn thiện việc Đầu tư xây dựng 9 hecta tại ICD Tân Cảng Quế Võ, Bắc Ninh và chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược PSA – Singapore.
- ◆ Niêm yết trên sàn chứng khoán: Hoàn thiện niêm yết và giao dịch trên sàn Upcom; Đáp ứng và tuân thủ các quy chuẩn về công bố thông tin.

# Hội đồng quản trị

## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HĐQT

HĐQT gồm 03 thành viên là những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh. TCO đã tách bạch vai trò của Chủ tịch HĐQT và Giám đốc thể hiện sự độc lập và phân chia trách nhiệm rõ ràng giữa HĐQT và Ban Điều hành nhằm đảm bảo sự phân quyền trong việc ra quyết định và nâng cao tính độc lập trong hoạt động của HĐQT.

Tính đến ngày 31/12/2020, Công ty chưa thành lập tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

| THÀNH VIÊN HĐQT | CHỨC DANH                       | TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT | CHỨC DANH KIỂM NHIỆM HĐQT TẠI CÁC CÔNG TY KHÁC (tính đến 31/12/2020) |
|-----------------|---------------------------------|--|--|
| Ngô Trọng Phàn  | Thành viên HĐQT không điều hành | 3,39%                                    |  |
| Nguyễn Sơn      | Thành viên HĐQT không điều hành | 0,92%                                    |  |
| Lê Đăng Phúc    | Thành viên HĐQT                 | 4,75%                                    |  |

Bảng: Danh sách thành viên HĐQT tính tới 31/12/2020

### Số lượng các cuộc họp HĐQT 2020

- ◆ Năm 2020, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc triệu tập, tổ chức và thông qua các Nghị quyết của HĐQT. Tất cả các cuộc họp đều được Chủ tịch HĐQT triệu tập theo đúng thẩm quyền, chuẩn bị nội dung cụ thể và thông báo đến các thành viên HĐQT. Đồng thời, các nội dung họp HĐQT đều được gửi cho Ban kiểm soát (BKS) để thực hiện chức năng giám sát. Đại diện BKS đều được mời tham dự các phiên họp HĐQT.
- ◆ Trong năm 2020, HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần, triệu tập các phiên họp bất thường để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định nếu phát sinh. HĐQT đã thông qua 08 Nghị quyết dưới hình thức tổ chức cuộc họp và lấy ý kiến để giải quyết kịp thời nhu cầu kinh doanh, đầu tư của Công ty và đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- ◆ HĐQT tập trung vào chủ trương mà ĐHCĐ đã thông qua và giám sát việc triển khai thực hiện các hoạt động SXKD, hoạt động đầu tư của Công ty; giao chỉ tiêu SXKD hàng quý; kiểm tra, giám sát và đánh giá số liệu Báo cáo tài chính để hỗ trợ, định hướng cho Ban điều hành nhằm đảm bảo Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020 đã được ĐHCĐ thông qua. 39

Trong năm 2020, HĐQT đã tiến hành 8 cuộc họp, đảm bảo đúng quy định về số lượng 01 cuộc họp/quý. HĐQT cũng đã ban hành 8 nghị quyết.

| THÀNH VIÊN     | SỐ BUỔI HỌP<br>HĐQT THAM GIA | TỶ LỆ<br>THAM DỰ | LÝ DO KHÔNG THAM DỰ |
|----------------|------------------------------|------------------|---------------------|
| Ngô Trọng Phàn | 08/08                        | 100%             |                     |
| Nguyễn Sơn     | 08/08                        | 100%             |                     |
| Lê Đăng Phúc   | 08/08                        | 100%             |                     |

| SỐ NGHỊ QUYẾT/<br>QUYẾT ĐỊNH | NGÀY       | NỘI DUNG   | TỶ LỆ<br>THÔNG<br>QUA |
|------------------------------|------------|--|-----------------------|
| 1 01/2020/NQ-HĐQT            | 17/01/2020 | - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019.<br>- Một số nội dung khác.   | 100%                  |
| 2 02/2020/NQ-HĐQT            | 18/05/2020 | - Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 1/2020.<br>- Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.  | 100%                  |
| 3 04/2020/NQ-HĐQT            | 17/06/2020 | Thành lập Đại kiểm kinh doanh tại Cát Lái  | 100%                  |
| 4 05/2020/NQ- HĐQT           | 01/07/2020 | Phương án vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa   | 100%                  |
| 5 06/2020/NQ-HĐQT            | 20/07/2020 | - Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 2/2020.<br>- Triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên | 100%                  |
| 6 07/2020/NQ-HĐQT            | 26/09/2020 | - Chủ trương và phương án chuyển nhượng cổ phần sở hữu tại Công ty cổ phần Tân Cảng Quế Võ.<br>- Đầu tư mua sà lan Maritime Falcon.              | 100%                  |
| 7 08/2020/NQ-HĐQT            | 05/10/2020 | - Phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP.HCM.  | 100%                  |
| 8 09/2020/NQ-HĐQT            | 07/12/2020 | Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 3/2020.   | 100%                  |

Bảng: Số lượng các cuộc họp của HĐQT năm 2020

# Hoạt động của Ban kiểm soát

## THÔNG TIN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 03 thành viên và tất cả đều là đáp ứng đủ tiêu chuẩn về thành viên Ban kiểm soát theo đúng quy định. Thông tin chi tiết về thành viên Ban Kiểm soát như sau:

| THÀNH VIÊN          | CHỨC DANH      | NGÀY BẮT ĐẦU/<br>KHÔNG CÒN LÀ<br>THÀNH VIÊN BKS | TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN         |
|---------------------|----------------|---|-----------------------------|
| Phạm Huy Vũ         | Trưởng BKS     | 24/07/2018                                      | Cử nhân kinh tế             |
| Nguyễn Thị Bạch Cúc | Thành viên BKS | 26/04/2017                                      | Thạc sỹ Tài chính ngân hàng |
| Nguyễn Thị Gấm      | Thành viên BKS | 26/04/2017                                      | Thạc sỹ Luật                |

## SỐ LƯỢNG CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm tài chính 2020, BKS đã hoạt động tốt với vai trò giám sát và khuyến nghị các thay đổi cần thiết trong công tác điều hành hoạt động của Công ty, tăng cường các biện pháp giám sát, đảm bảo hoạt động tài chính của Công ty rõ ràng và minh bạch. Ban kiểm soát đã tiến hành họp 02 phiên trong năm 2020.

| THÀNH VIÊN          | SỐ BUỔI HỌP<br>BKS THAM GIA | TỶ LỆ<br>THAM DỰ | LÝ DO<br>KHÔNG THAM DỰ |
|---------------------|-----------------------------|------------------|------------------------|
| Phạm Huy Vũ         | 02/02                       | 100%             |                        |
| Nguyễn Thị Bạch Cúc | 02/02                       | 100%             |                        |
| Nguyễn Thị Gấm      | 02/02                       | 100%             |                        |



## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2020, Ban kiểm soát thực hiện hoạt động giám sát của mình đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc đúng quy định của luật, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Cụ thể Ban kiểm soát đã thực hiện một số nội dung hoạt động giám sát đối với HĐQT, Ban Giám đốc:

- ◆ Ban kiểm soát cử đại diện tham dự các cuộc họp của HĐQT và tổ chức họp BKS định kỳ 6 tháng 01 lần.
- ◆ Hội đồng quản trị thực hiện tốt vai trò giám sát hoạt động của Ban điều hành, đã tổ chức nhiều cuộc họp để kịp thời chỉ đạo định hướng chiến lược hoạt động và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- ◆ Hội đồng quản trị, Ban giám đốc tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong quản lý điều hành. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định.
- ◆ Ban điều hành đã thực hiện tốt công tác dự báo, xây dựng kế hoạch và giám sát chặt chẽ các dự án đầu tư, hạn chế thấp nhất những rủi ro trong hoạt động kinh doanh; xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường và điều chỉnh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư cho phù hợp thực tế tình hình sản xuất của đơn vị, góp phần đem lại hiệu quả nhất định.
- ◆ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc thực hiện nghiêm các quy định về công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- ◆ Đại hội đồng cổ đông thông qua các tờ trình của Hội đồng quản trị trong năm 2020.

## SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- ◆ Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc nhưng vẫn đảm bảo tính sự độc lập của BKS.
- ◆ Hội đồng quản trị gửi tài liệu họp và mời BKS tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT; tạo điều kiện và cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của mình cho BKS.
- ◆ Ban Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu, giúp công việc giám sát kịp thời, hiệu quả.
- ◆ Hội đồng quản trị tích cực giám sát hoạt động của Ban giám đốc và các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo thực hiện triển khai đúng theo các Nghị quyết của ĐHCĐ, của HĐQT và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

## HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS (NẾU CÓ): KHÔNG CÓ

# Thù lao của HĐQT, BKS và Ban Giám đốc

| TÊN                    | CHỨC DANH                           | TIỀN LƯƠNG<br>(ĐỒNG) | THƯỞNG<br>(ĐỒNG) | THÙ LAO<br>(ĐỒNG) | TỔNG          |
|------------------------|-------------------------------------|----------------------|------------------|-------------------|---------------|
| Ngô Trọng Phần         | Chủ tịch HĐQT                       | -                    | -                | 600.000.000       | 600.000.000   |
| Nguyễn Sơn             | Thành viên<br>HĐQT                  | -                    | -                | 500.000.000       | 500.000.000   |
| Lê Đăng Phúc           | Thành viên<br>HĐQT kiêm Giám<br>đốc | 926.640.000          | 111.667.525      | 400.000.000       | 1.438.307.525 |
| Phạm Huy Vũ            | Trưởng BKS                          | 441.600.000          | 48.967.525       | 30.000.000        | 520.567.525   |
| Nguyễn Thị Gấm         | Thành viên BKS                      | 504.000.000          | 65.610.250       | 50.000.000        | 619.610.250   |
| Nguyễn Thị Bạch<br>Cúc | Thành viên BKS                      | 390.000.000          | 31.851.890       | 30.000.000        | 451.851.890   |
| Nguyễn Quốc<br>Dũng    | Phó Giám đốc                        | 550.800.000          | 71.498.720       | -                 | 622.298.720   |
| Phạm Thanh Bình        | Phó Giám đốc                        | 550.800.000          | 76.557.175       | -                 | 627.357.175   |
| Nguyễn Mạnh<br>Cường   | Phó Giám đốc                        | 550.800.000          | 71.760.625       | -                 | 622.560.625   |

# Quản trị rủi ro

01

## RỦI RO DỊCH BỆNH

Năm 2020 chứng kiến sự lan rộng của virus Covid – 19 trên phạm vi toàn cầu, đã mang lại những thách thức chưa từng thấy, cũng như có những tác động đáng kể đến sự phát triển chung của Việt Nam. Dù được dự báo là một trong số ít những nước vẫn giữ được tăng trưởng dương trong năm 2020, tuy nhiên với diễn biến dịch còn phức tạp ở nhiều nơi trên thế giới, kinh tế - xã hội của Việt Nam vẫn sẽ gặp phải nhiều khó khăn trong năm 2021. Chính phủ đã chuẩn bị nhiều gói kích thích kinh tế từ trước khi dịch lan rộng, bám sát thị trường, ban hành nhiều gói hỗ trợ dưới các dạng khác nhau. Các gói hỗ trợ phù hợp với bản chất và diễn biến của dịch Covid – 19, tuy nhiên, đối với gói hỗ trợ giảm, giãn thuế, việc hỗ trợ còn mang tính cầm chừng, chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp, thời gian thụ hưởng quá ngắn. Ngoài ra, dịch bệnh cũng ảnh hưởng tới hoạt động thương mại toàn cầu, từ đó cũng ảnh hưởng tới hoạt động của công ty. Do vậy, công ty cần chủ động trong việc phòng chống dịch, vừa để đảm bảo an toàn sức khỏe cho công nhân cũng như đảm bảo hoạt động sản xuất của công ty.

02

## RỦI RO KINH TẾ

Thế giới đã và đang phải đối mặt với một trong những cú sốc lớn nhất toàn cầu (đại dịch Covid – 19) trong nhiều năm trở lại đây. Với diễn biến dịch phức tạp ở nhiều quốc gia lớn đã ảnh hưởng tới tình hình thị trường tài chính toàn cầu. Hiện nay, các cơ quan quản lý trên thế giới đang thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ quy mô lớn (tài khóa, tiền tệ) để hạn chế thiệt hại kinh tế do đại dịch gây ra. Các xu hướng khủng hoảng vẫn có thể tiếp tục tăng lên nếu kịch bản vượt qua đỉnh dịch bị trì hoãn hoặc nhiều công ty vỡ nợ hàng loạt.

Việt Nam là một trong số ít các nước đã cơ bản kiểm soát được sự lây lan của dịch bệnh. Việt Nam vẫn được Ngân hàng thế giới (WB) dự báo sẽ tăng trưởng gần 3%, trong khi kinh tế thế giới dự kiến suy giảm ít nhất 4%. Kết quả này là nhờ khả năng chống chịu của cả khu vực kinh tế trong nước và kinh tế đối ngoại. Dòng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục đổ vào Việt Nam kết hợp với xuất khẩu hàng hóa tăng mạnh đã bù đắp cho thất thu về ngoại tệ do hoạt động du lịch suy giảm và kiều hối bị thu hẹp. Triển vọng kinh tế của Việt Nam trong trung hạn và dài hạn rất tích cực. Việc Việt Nam tham gia một số lượng lớn các hiệp định thương mại song phương và đa phương sẽ giúp nền kinh tế của đất nước phục hồi. Trong thời gian tới, triển vọng của Việt Nam được cho là tích cực khi nền kinh tế được dự báo tăng trưởng khoảng 6,8% trong năm 2021 và ổn định ở mức 6,5% ở các năm tiếp theo.

Tuy vậy vẫn cần chú ý tới rủi ro trong lĩnh vực tài chính trước những bất ổn cả trong và ngoài nước. Công ty vẫn cần phải lưu ý tới tình hình kinh tế vĩ mô, hoạt động của kinh tế trong nước và cả yếu tố tâm lý thị trường. Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và đề ra những giải pháp phòng ngừa rủi ro sẽ giúp doanh nghiệp phát triển một cách bền vững.

03

## RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản luật liên quan khác. Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam trong năm 2021 có nhiều sự thay đổi lớn bao gồm sự sửa đổi, bổ sung của Luật Đầu tư, Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư. Luật doanh nghiệp số 54/2020/QH14 và Luật chứng khoán 54/2019/QH14 sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Luật Doanh nghiệp mới đã nâng cao khung khổ pháp lý về quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản trị và hoạt động của các Doanh nghiệp. Ngoài ra còn một số thông tư, nghị định hướng dẫn thực hiện những Luật này. Công ty cần chủ động nghiên cứu, tìm hiểu để thực hiện theo đúng những quy định đã được ban hành.

04

## RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các giao dịch hoạt động tiền gửi và tiền vay đối với các tổ chức tín dụng trong nước. Khi có sự biến động tăng lãi suất, Công ty sẽ phải chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã ký kết. Tuy nhiên, rủi ro này đã được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Công ty có giao dịch với các nhà cung cấp ngoài nước để phục vụ hoạt động kinh doanh. Hoạt động kinh doanh của Công ty có dòng tiền thu vào và chi ra bằng đô la (USD) vì vậy khi tỷ giá hối đoái biến động làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến để lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ.

05

## RỦI RO KHÁC

Một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng nằm ngoài ý chí chủ quan của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn,... hay những rủi ro đến từ những yếu tố mang tính vĩ mô của nền kinh tế là những rủi ro có thể gây thiệt hại đến hoạt động kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty đều là những rủi ro khó lường. Công ty chỉ có thể hạn chế các rủi ro này bằng cách tiến hành mua bảo hiểm với tài sản để phần nào hạn chế hậu quả nếu rủi ro xảy ra cũng như tăng cường công tác dự báo, dự đoán để nắm bắt được những thay đổi trong nền kinh tế, từ đó vạch ra đường lối phát triển phù hợp cho Công ty.

# Chứng khoán TOS

## THÔNG TIN CỔ PHIẾU

|                                |  |
|--------------------------------|--|
| Tên cổ phiếu                   | Cổ phiếu Công ty cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng |
| Loại cổ phiếu                  | Cổ phiếu phổ thông                             |
| Mã chứng khoán                 | TOS  |
| Tổng số cổ phiếu đang lưu hành | 26.500.000 cổ phiếu                            |

Tính đến ngày thực hiện Báo cáo thường niên này, Công ty không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài.

## CỔ ĐÔNG LỚN

| CỔ ĐÔNG                                      | ĐỊA CHỈ  | SỐ CP<br>SỞ HỮU<br>(cổ phiếu) | GIÁ TRỊ SỞ HỮU<br>THEO MỆNH GIÁ<br>(VNĐ) | TỶ LỆ SỞ<br>HỮU<br>(%) |
|--|--|-------------------------------|--|------------------------|
| Tổng Công ty TNHH<br>MTV Tân Cảng Sài<br>Gòn | 722 Điện Biên Phủ, Phường<br>22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ<br>Chí Minh | 9.349.200                     | 93.492.000.000                           | 35,28                  |
| TỔNG CỘNG                                    |  | 9.349.200                     | 93.492.000.000                           | 35,28                  |

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

| ĐỐI TƯỢNG        | SỐ LƯỢNG<br>CỔ PHIẾU<br>(cổ phiếu) | TỶ LỆ<br>SỞ HỮU/VĐL (%) | CƠ CẤU CỔ ĐÔNG |          |
|------------------|------------------------------------|-------------------------|----------------|----------|
|                  |                                    |                         | Cá nhân        | Tổ chức  |
| Cổ đông nhà nước | 0                                  | 0                       | 0              | 0        |
| Cổ đông lớn      | 9.349.200                          | 35,28                   | 0              | 1        |
| Trong nước       | 9.349.200                          | 35,28                   | 0              | 1        |
| Nước ngoài       | 0                                  | 0                       | 0              | 0        |
| Cổ đông khác     | 17.150.800                         | 64,72                   | 159            | 0        |
| Trong nước       | 17.150.800                         | 64,72                   | 159            | 0        |
| Nước ngoài       | 0                                  | 0                       | 0              | 0        |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>26.500.000</b>                  | <b>100</b>              | <b>159</b>     | <b>1</b> |
| Trong nước       | 26.500.000                         | 100                     | 159            | 1        |
| Nước ngoài       | 0                                  | 0                       | 0              | 0        |

## GIAO DỊCH LIÊN QUAN

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có.

Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có.

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành: Không có.

Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác: Không có.



Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN      MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN      SỐ GIẤY NH\* , NGÀY CẤP, NƠI CẤP      ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ      THỜI ĐIỂM      SỐ NGHỊ QUYẾT/ NỘI DUNG, SỐ QUYẾT ĐỊNH CỦA LƯỢNG, TỔNG ĐHĐCĐ/ HĐQT...      GIÁ TRỊ GIAO DỊCH/ CÓ, NẾU RÕ NGÀY BAN HÀNH)

|  |                             |   |  |          |  |
|--|-----------------------------|---|--|----------|--|
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn       | Cổ đông lớn chiếm 35,28% CP | 0300514849<br>30/6/2010 Sở KHĐT<br>Thành phố Hồ Chí Minh  | 722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam                       | Năm 2020 |  |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ bay và Du lịch biển Tân Cảng | Công ty con                 | 0313161911<br>16/03/2015 Sở KHĐT<br>Thành phố Hồ Chí Minh | 722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh                                 | Năm 2020 |  |
| Công ty Cổ phần Tân cảng Kiên Giang                  | Công ty con                 | 1702075079<br>05/01/2017 Sở KHĐT<br>tỉnh Kiên Giang       | 39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Thị Trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam | Năm 2020 |  |
| Công ty Cổ phần Hàng Hải Tân Cảng Miền Bắc           | Công ty con                 | 0314870146<br>30/01/2018 Sở KHĐT<br>Thành phố Hồ Chí Minh | 722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh                                 | Năm 2020 |  |



# QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

## QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, nhà đầu tư là ưu tiên hàng đầu trong công tác quan hệ nhà đầu tư của TCO. TCO luôn định hướng hoạt động quan hệ cổ đông, nhà đầu tư hướng tới việc tuân thủ các quy định pháp luật, bảo vệ và thực hiện đầy đủ quyền cổ đông, đảm bảo công bố thông tin minh bạch cho các cổ đông.

## ĐẢM BẢO TÍNH MINH BẠCH VÀ ĐA DẠNG HÓA KÊNH CUNG CẤP THÔNG TIN CHO CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ

TCO luôn nỗ lực đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các kênh cung cấp thông tin. Cổ đông, nhà đầu tư được tiếp cận các thông tin đầy đủ và cập nhật về định hướng chiến lược, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình quản trị doanh nghiệp,... thông qua các kênh như: trang công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; website ; các phương tiện truyền thông đại chúng; các nền tảng truyền thông công nghệ. Bên cạnh đó, Lãnh đạo TCO tích cực tham dự các hội thảo do các quỹ đầu tư và các công ty chứng khoán lớn, Ủy ban chứng khoán nhà nước tổ chức. Ngoài ra, TCO đã thực hiện việc truyền tải thông tin đến cổ đông và các nhà đầu tư thông qua các sự kiện hoạt động dành cho cổ đông, nhà đầu tư do Công ty tổ chức. Trong năm 2020, bên cạnh ĐHĐCĐ thường niên, TCO đã tổ chức các cuộc hội thảo, gặp gỡ với các quỹ đầu tư trong và ngoài nước, gặp gỡ nhà đầu tư tiềm năng. Các sự kiện đã được các nhà đầu tư và môi giới đánh giá cao về chất lượng thông tin.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

M.S.C.

**MỤC LỤC**

|  | <b>Trang</b>   |
|--|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>  | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>   | <b>2 - 4</b>   |
| <b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>  | <b>5 - 6</b>   |
| <b>4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>  | <b>7 - 10</b>  |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b> | <b>11</b>      |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>           | <b>12 - 13</b> |
| <b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>    | <b>14 - 45</b> |

\*\*\*\*\*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

**Khái quát về Công ty**

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311638652, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 07 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh về việc thay đổi vốn điều lệ, sửa đổi ngành nghề kinh doanh, thay đổi tên doanh nghiệp viết tắt, thay đổi địa chỉ của người đại diện theo pháp luật. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ bảy ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc thay đổi địa chỉ của người đại diện theo pháp luật.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 722, Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 0283 9 143 981 – 0283 9 143 982
- Fax : 0283 8 216 446

**Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:**

- Dịch vụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, thủy nội bộ ven biển và viễn dương;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên          | Chức vụ      | Ngày tái bổ nhiệm        |
|--------------------|--------------|--------------------------|
| Ông Ngô Trọng Phàn | Chủ tịch     | Ngày 26 tháng 4 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Sơn     | Phó Chủ tịch | Ngày 26 tháng 4 năm 2017 |
| Ông Lê Đăng Phúc   | Ủy viên      | Ngày 26 tháng 4 năm 2017 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**  
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Ban kiểm soát**

| Họ và tên              | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm             |
|------------------------|------------|---------------------------|
| Ông Phạm Huy Vũ        | Trưởng ban | Ngày 27 tháng 04 năm 2018 |
| Bà Nguyễn Thị Gấm      | Thành viên | Ngày 26 tháng 04 năm 2017 |
| Bà Nguyễn Thị Bạch Cúc | Thành viên | Ngày 26 tháng 04 năm 2017 |

**Ban Giám đốc**

| Họ và tên             | Chức vụ      | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm  |
|-----------------------|--------------|--|
| Ông Lê Đăng Phúc      | Giám đốc     | Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Tuấn Anh   | Phó Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 02 tháng 1 năm 2020    |
| Ông Nguyễn Mạnh Cường | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2019      |
| Ông Phạm Thanh Bình   | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2018      |
| Ông Nguyễn Quốc Dũng  | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 8 tháng 11 năm 2017      |

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Đăng Phúc - Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2017).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.


Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,   
**Giám đốc**



Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Số: 2.0354/21/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2021, từ trang 7 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Lê Văn Khoa – Phó Giám đốc**  
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

**Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên**  
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4028-2017-008-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021



101 2021 03 31



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>554.715.149.689</b> | <b>564.188.723.918</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>82.841.204.189</b>  | <b>82.560.922.564</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 67.341.204.189         | 78.060.922.564         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 15.500.000.000         | 4.500.000.000          |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>-</b>               | <b>7.000.000.000</b>   |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        | V.2a        | -                      | 7.000.000.000          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>414.248.970.751</b> | <b>395.469.656.202</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 392.733.775.027        | 364.867.282.770        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 7.969.366.080          | 7.581.755.100          |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | 23.853.950             | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5a        | 26.059.805.933         | 26.229.896.976         |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.6         | (12.537.830.239)       | (3.209.278.644)        |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>49.928.504.991</b>  | <b>66.968.162.413</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.7         | 49.928.504.991         | 66.968.162.413         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>7.696.469.758</b>   | <b>12.189.982.739</b>  |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.8a        | 5.191.062.300          | 5.362.944.880          |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | 2.505.407.458          | 6.827.037.859          |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                      | -                      |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| TÀI SẢN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
|   |            |             |                          |                          |
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>1.266.472.858.793</b> | <b>1.455.816.170.300</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>29.339.021.578</b>    | <b>41.378.438.688</b>    |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                        | -                        |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                        | -                        |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                        | -                        |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                        | -                        |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                        | 43.853.950               |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.5b        | 29.339.021.578           | 41.334.584.738           |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                        | -                        |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>957.517.424.697</b>   | <b>1.196.222.591.341</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.9         | 955.476.311.484          | 1.193.550.402.169        |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 222        |             | 2.384.719.331.161        | 2.414.309.030.405        |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 223        |             | (1.429.243.019.677)      | (1.220.758.628.236)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        | V.10        | 1.609.620.188            | 2.125.220.348            |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 225        |             | 2.741.157.634            | 2.741.157.634            |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 226        |             | (1.131.537.446)          | (615.937.286)            |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.11        | 431.493.025              | 546.968.824              |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 228        |             | 1.097.685.000            | 1.062.585.000            |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 229        |             | (666.191.975)            | (515.616.176)            |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                        | -                        |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 231        |             | -                        | -                        |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 232        |             | -                        | -                        |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> | <b>V.12</b> | <b>53.927.632.800</b>    | <b>6.698.148.143</b>     |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                        | -                        |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | 53.927.632.800           | 6.698.148.143            |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>168.323.945.455</b>   | <b>160.258.458.078</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                        | -                        |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        | V.2b        | 168.323.945.455          | 160.258.458.078          |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        |             | -                        | -                        |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                        | -                        |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                        | -                        |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>57.364.834.263</b>    | <b>51.258.534.050</b>    |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.8b        | 57.364.834.263           | 46.768.748.157           |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại               | 262        | V.21a       | -                        | 4.489.785.893            |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                        | -                        |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                        | -                        |
| 5. Lợi thế thương mại                           | 269        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>1.821.188.008.482</b> | <b>2.020.004.894.218</b> |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm               |
|---|------------|-------------|------------------------|--------------------------|
|   |            |             |                        |                          |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>973.187.898.543</b> | <b>1.241.132.195.651</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>467.959.585.140</b> | <b>567.151.347.826</b>   |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.13a       | 142.695.374.892        | 193.247.956.287          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.14        | 34.859.725             | 10.808.805.191           |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.15        | 21.020.878.257         | 19.847.638.000           |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 8.331.333.808          | 10.007.368.712           |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.16        | 44.180.246.678         | 46.466.039.215           |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                        |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                        |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        | V.17a       | 2.704.500.000          | 2.972.576.000            |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.18a       | 35.063.587.618         | 36.582.687.060           |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.19a       | 208.947.492.846        | 239.006.747.610          |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                        |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.20        | 4.981.311.316          | 8.211.529.751            |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                        |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                        |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>505.228.313.403</b> | <b>673.980.847.825</b>   |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        | V.13b       | -                      | 100.000.000.000          |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                        |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                        |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                        |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                        |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        | V.17b       | 901.500.000            | 3.606.000.000            |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.18b       | 23.700.000             | 23.700.000               |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.19b       | 504.303.113.403        | 569.064.398.213          |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                        |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                        |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        | V.21b       | -                      | 1.286.749.612            |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                        |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

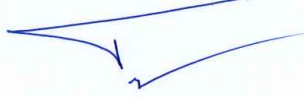
| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>848.000.109.939</b>   | <b>778.872.698.567</b>   |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.22</b> | <b>848.000.109.939</b>   | <b>778.872.698.567</b>   |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 265.000.000.000          | 265.000.000.000          |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 265.000.000.000          | 265.000.000.000          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                        | -                        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | -                        | -                        |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                        | -                        |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | -                        | -                        |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | -                        | -                        |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                        | -                        |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                        | -                        |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 209.168.303.272          | 172.424.805.950          |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                        | -                        |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |             | 27.631.515.060           | 27.643.218.416           |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | 187.738.484.073          | 164.864.029.291          |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | 65.082.328.770           | 164.864.029.291          |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | 122.656.155.303          | -                        |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422        |             | -                        | -                        |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát             | 429        |             | 158.461.807.534          | 148.940.644.910          |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | -                        | -                        |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                        | -                        |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432        |             | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>1.821.188.008.482</b> | <b>2.020.004.894.218</b> |

Người lập biểu



Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng



Vũ Quang Tiến

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Giám đốc



Lê Đăng Phúc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay           |                   |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
|  |       |             | Năm nay           | Năm trước         |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | VI.1        | 1.320.738.472.899 | 1.202.879.323.873 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    |             | 1.044.835.558     | 745.791.194       |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ     | 10    |             | 1.319.693.637.341 | 1.202.133.532.679 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                    | 11    | VI.2        | 995.511.762.018   | 906.558.249.521   |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | 324.181.875.323   | 295.575.283.158   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | VI.3        | 3.109.400.308     | 1.754.107.873     |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 22    | VI.4        | 72.307.135.635    | 79.832.707.788    |
| Trong đó: chi phí lãi vay                              | 23    |             | 71.675.314.841    | 79.183.504.650    |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    |             | 8.572.715.279     | 1.235.815.326     |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 25    | VI.5        | 15.310.624.537    | 8.413.788.407     |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 26    | VI.6        | 70.146.486.163    | 68.799.355.133    |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | 178.099.744.575   | 141.519.355.029   |
| 12. Thu nhập khác                                      | 31    | VI.7        | 6.264.401.307     | 2.755.958.944     |
| 13. Chi phí khác                                       | 32    | VI.8        | 2.463.588.448     | 565.529.332       |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | 40    |             | 3.800.812.859     | 2.190.429.612     |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 50    |             | 181.900.557.434   | 143.709.784.641   |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành       | 51    | V.15        | 19.359.882.510    | 13.924.879.714    |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại        | 52    |             | 3.203.036.281     | (694.695.344)     |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 60    |             | 159.337.638.643   | 130.479.600.271   |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ                  | 61    |             | 138.260.930.662   | 119.314.960.766   |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát     | 62    |             | 21.076.707.981    | 11.164.639.505    |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 70    | VI.9        | 4.578             | 3.873             |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                         | 71    | VI.9        | 4.578             | 3.873             |

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Quốc Bảo

Vũ Quang Tiến

Lê Đăng Phúc



Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

| CHỈ TIÊU   | Mã Thuyết số minh | Đơn vị tính             |                     |
|--|-------------------|-------------------------|---------------------|
|  |                   | Năm nay                 | Năm                 |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>  |                   |                         |                     |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01                | 181.900.557.434         | 143.709.7.          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |                   |                         |                     |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02                | 224.299.731.252         | 257.060.5           |
| - Các khoản dự phòng   | 03                | 9.328.551.595           | 3.209.2             |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04                | 177.326.178             | 73.6                |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05                | (1.626.123.214)         | (1.630.11           |
| - Chi phí lãi vay  | 06 VI.4           | 71.675.314.841          | 79.183.5            |
| - Các khoản điều chỉnh khác  | 07                | -                       |                     |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08                | 485.755.358.086         | 481.606.6.          |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09                | (23.135.536.424)        | 105.834.6           |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10                | 17.039.657.422          | (44.757.44          |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả  | 11                | (127.432.949.236)       | (104.821.17         |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12                | (10.424.203.526)        | (31.164.18          |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh  | 13                |                         |                     |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14                | (78.018.517.639)        | (75.126.36          |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15 V.15           | (11.806.009.618)        | (15.814.41          |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 16                |                         |                     |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17                | (18.403.076.388)        | (13.277.80          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                       | <b>20</b>         | <b>233.574.722.677</b>  | <b>302.479.94</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>   |                   |                         |                     |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21                | (66.544.276.519)        | (133.332.45         |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22                |                         | 1.238.2             |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23                | (47.853.950)            | (45.347.85          |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24                | 7.004.000.000           | 38.304.00           |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25                |                         | (56.450.80          |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26                |                         |                     |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27                | 1.611.045.406           | 329.34              |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b>         | <b>(57.977.085.063)</b> | <b>(195.259.57)</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**


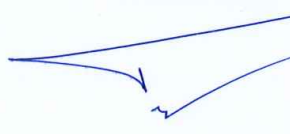
| CHỈ TIÊU   | Mã Thuyết |            | Năm nay                  | Năm trước                |
|--|-----------|------------|--------------------------|--------------------------|
|  | số        | minh       |                          |                          |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |            |                          |                          |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |            | 1.732.000.000            | -                        |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |            |                          | -                        |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        | V.19       | 389.438.026.672          | 404.792.900.503          |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | V.19       | (483.736.703.502)        | (500.869.498.528)        |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        | V.19       | (395.196.072)            | (1.197.537.800)          |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |            | (82.196.209.000)         | (42.225.332.895)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  | <b>40</b> |            | <b>(175.158.081.902)</b> | <b>(139.499.468.720)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |            | <b>439.555.712</b>       | <b>(32.279.095.425)</b>  |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b> | <b>82.560.922.564</b>    | <b>114.884.822.728</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |            | (159.274.087)            | (44.804.739)             |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b> | <b>82.841.204.189</b>    | <b>82.560.922.564</b>    |

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Quốc Bảo

Vũ Quang Tiến

Lê Đăng Phúc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bốc xếp hàng hóa, sửa chữa máy móc thiết bị, đại lý, môi giới, đấu giá (trừ môi giới bất động sản), kinh doanh nhiên liệu, vận tải hàng hóa bằng đường bộ; hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị; dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật); dịch vụ xây dựng chuyên dụng khác; dịch vụ hậu cần khai thác dầu khí, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí./.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc Tập đoàn**

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 04 công ty con (03 Công ty con trực tiếp, 01 Công ty con gián tiếp) chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất**

| Tên công ty  | Địa chỉ trụ sở chính   | Hoạt động kinh doanh chính  | Tỷ lệ lợi ích |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết |            |
|--|--|---|---------------|------------|------------------------|------------|
|  |  |   | Số cuối năm   | Số đầu năm | Số cuối năm            | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng | 722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh                       | Cung cấp lương thực, thực phẩm, đại lý du lịch, kinh doanh khách sạn; cho thuê máy móc thiết bị | 51%           | 51%        | 51%                    | 51%        |
| Công ty cổ phần Tân Cảng Kiên Giang                  | 39 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải   | 66,67%        | 66,67%     | 60%                    | 60%        |



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

| Tên công ty                                  | Địa chỉ trụ sở chính  | Hoạt động kinh doanh chính                                | Tỷ lệ lợi ích |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết |            |
|--|---|---|---------------|------------|------------------------|------------|
|  |   |   | Số cuối năm   | Số đầu năm | Số cuối năm            | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc   | 722 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh        | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy | 54%           | 54%        | 54%                    | 54%        |
| Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS - Cát Lái (*) | 162/24 Đường 42, Khu phố 5, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh | Hoạt động bán hàng siêu thị, cung cấp dịch vụ ăn uống     | 51%           | 51%        | 51%                    | 51%        |

(\*) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng.

#### 5b. Danh sách Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| Tên công ty                      | Địa chỉ trụ sở chính  | Tỷ lệ phần sở hữu |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết |            |
|----------------------------------|---|-------------------|------------|------------------------|------------|
|                                  |   | Số cuối năm       | Số đầu năm | Số cuối năm            | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Quốc Võ | Thôn Kiều Lương, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh | 40%               | 40%        | 40%                    | 40%        |

#### 5c. Danh sách các Công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

| Tên công ty                                     | Địa chỉ trụ sở chính   | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Lý do                                    |
|---|--|-------------------|------------------------|--|
| Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today | 40D1 Cư xá 307, đường Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh | 20%               | 20%                    | Công ty đang thực hiện thủ tục giải thể. |

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 563 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 499 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của các Ngân hàng TMCP Quân đội tại Việt Nam (Các ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

#### **4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **5. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**Các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### ***Chi phí bảo hiểm***

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo thời gian quy định trên hợp đồng bảo hiểm.

##### ***Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ***

Chi phí sửa chữa bảo dưỡng tàu định kỳ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### ***Chi phí duy tu cảng, đường bãi container***

Chi phí duy tu cảng, đường bãi container phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

#### **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 25       |
| Máy móc và thiết bị             | 03 - 15       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 15       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 10       |
| Tài sản cố định khác            | 04 - 05       |

**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính là 5 - 6 năm.

**11. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

##### ***Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

##### ***Hợp đồng hợp tác kinh doanh chia lợi nhuận cố định***

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty với các đối tác, trong đó: Công ty là bên nhận và theo dõi vốn góp của đối tác; các đối tác được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng. Trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là hợp đồng hợp tác kinh doanh nhưng bản chất là hợp đồng vay. Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính như sau:

- Ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của hoạt động hợp tác kinh doanh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình;
- Khoản nhận vốn góp từ các đối tác được phản ánh là khoản đi vay;
- Khoản phân chia kết quả cho các đối tác (được tính trên cơ sở số vốn góp, thời gian góp vốn và tỷ lệ lãi suất cố định) được phản ánh là chi phí tài chính trong kỳ.

#### **14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **15. Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### **16. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập*****Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**18. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

**19. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BỘ TÀI CHÍNH  
C  
ĐƯỢC  
NH  
Y  
ĐƯA  
TƯ VÀ  
P. HP

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|   | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt  | 862.301.832                  | 1.064.534.228                |
| Tiền gửi ngân hàng  | 66.478.902.357               | 76.996.388.336               |
| Các khoản tương đương tiền ( <i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i> ) | 15.500.000.000               | 4.500.000.000                |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>82.841.204.189</u></b> | <b><u>82.560.922.564</u></b> |

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Số dư đầu năm là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng, có giá trị sổ sách bằng giá gốc.

**2b. Đầu tư vào công ty liên kết**

|  | <u>Số cuối năm</u>            |  |                               | <u>Số đầu năm</u>             |  |                               |
|--|-------------------------------|--|-------------------------------|-------------------------------|--|-------------------------------|
|  | <u>Giá gốc</u>                | <u>Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</u> | <u>Cộng</u>                   | <u>Giá gốc</u>                | <u>Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư</u> | <u>Cộng</u>                   |
| Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today <sup>(i)</sup> | 2.000.000.000                 | (1.000.000.000)                            | 1.000.000.000                 | 2.000.000.000                 | 571.842.752                                | 2.571.842.752                 |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Quê Võ <sup>(ii)</sup>                | 156.450.800.000               | 10.873.145.455                             | 167.323.945.455               | 156.450.800.000               | 1.235.815.326                              | 157.686.615.326               |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>158.450.800.000</u></b> | <b><u>9.873.145.455</u></b>                | <b><u>168.323.945.455</u></b> | <b><u>158.450.800.000</u></b> | <b><u>1.807.658.078</u></b>                | <b><u>160.258.458.078</u></b> |

<sup>(i)</sup> Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today 2.000.000.000 VND, không thay đổi so với đầu năm. Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today đang tiến hành thủ tục giải thể.

<sup>(ii)</sup> Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 5.046.800 cổ phiếu, tương đương 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quê Võ. Tập đoàn đã thanh toán 146.450.800.000 VND, số còn phải thanh toán 10.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.13b).

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

|   | <u>Giá trị phần sở hữu đầu năm</u> | <u>Phần lãi hoặc lỗ trong năm</u> | <u>Công ty liên kết trích quỹ</u> | <u>Giá trị phần sở hữu cuối năm</u> |
|---|------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today | 2.571.842.752                      | (1.571.842.752)                   | -                                 | 1.000.000.000                       |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Quê Võ                 | 157.686.615.326                    | 10.144.558.031                    | (507.227.902)                     | 167.323.945.455                     |
| <b>Cộng</b>                                     | <b><u>160.258.458.078</u></b>      | <b><u>8.572.715.279</u></b>       | <b><u>(507.227.902)</u></b>       | <b><u>168.323.945.455</u></b>       |

*Giao dịch với các công ty liên kết*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các công ty liên kết trong năm

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|   | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>      |
|---|------------------------|------------------------|
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>   | <b>106.014.425.877</b> | <b>100.513.773.297</b> |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn                           | 81.347.095.815         | 62.583.999.149         |
| Công ty TNHH Tân Cảng - PETRO Cam Ranh  | 312.100.000            | -                      |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép  | 821.463.500            | -                      |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Tân Cảng   | -                      | 13.600.000.000         |
| Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải                         | 16.500.000.000         | 12.700.000.000         |
| Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng   | 488.074.760            | -                      |
| Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng                              | 6.545.691.802          | 6.029.774.148          |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Mitsui   | -                      | 5.600.000.000          |
| <b>Phải thu các khách hàng khác</b>   | <b>286.719.349.150</b> | <b>264.353.509.473</b> |
| Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro  | 39.832.688.394         | 97.689.049.515         |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản Á Châu.                                   | -                      | 18.668.588.166         |
| Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí   | 21.165.016.795         | 40.330.947.782         |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC | 70.902.965.492         | -                      |
| Zhoushan Hongjie Ocean Engineering Co., Ltd,  | 28.963.169.430         | -                      |
| Các khách hàng khác   | 125.855.509.039        | 107.664.924.010        |
| <b>Cộng</b>   | <b>392.733.775.027</b> | <b>364.867.282.770</b> |

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|  | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|--|----------------------|----------------------|
| <b>Trả trước cho người bán khác</b>    | <b>7.969.366.080</b> | <b>7.581.755.100</b> |
| Công ty TNHH Xây dựng Trường Xuân      | -                    | 2.603.481.100        |
| Tổng Công Ty Ba Sơn - Công ty TNHH MTV | 3.967.181.680        | -                    |
| Các nhà cung cấp khác                  | 4.002.184.400        | 4.978.274.000        |
| <b>Cộng</b>                            | <b>7.969.366.080</b> | <b>7.581.755.100</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**5. Phải thu khác**

**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

|  | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|  | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>                            | <b>18.568.228.367</b> | -        | <b>18.787.942.496</b> | -        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng           | 18.568.228.367        | -        | 18.787.942.496        | -        |
| + Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh                            | 17.877.602.312        | -        | 17.769.550.388        | -        |
| + Phải thu lợi nhuận hợp tác kinh doanh                      | 690.626.055           | -        | 1.018.392.108         | -        |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>                  | <b>7.491.577.566</b>  | -        | <b>7.441.954.480</b>  | -        |
| Công ty Cổ phần Lam Sài Gòn - Phải thu về Hợp tác kinh doanh | -                     | -        | 204.000.000           | -        |
| Các khoản ký quỹ   | 1.331.836.268         | -        | 1.706.245.300         | -        |
| Tạm ứng  | 3.617.194.108         | -        | 3.126.978.877         | -        |
| Thuế GTGT chờ khấu trừ                                       | 85.469.447            | -        | 408.849.476           | -        |
| Phải thu tiền hỗ trợ nhân viên                               | 180.500.000           | -        | 1.055.000.000         | -        |
| Tiền giảm giá thuê canteen                                   | 200.454.545           | -        | -                     | -        |
| Tài sản thiếu xử lý  | 127.518.764           | -        | -                     | -        |
| Dự thu lãi tiền gửi  | 15.077.808            | -        | -                     | -        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác                             | 1.933.526.626         | -        | 940.880.827           | -        |
| <b>Cộng</b>  | <b>26.059.805.933</b> | -        | <b>26.229.896.976</b> | -        |

**5b. Phải thu dài hạn khác**

|   | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          |
|---|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|   | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>   | <b>20.848.453.078</b> | -        | <b>27.499.217.102</b> | -        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng – Tiền góp vốn Hợp tác kinh doanh <sup>(1)</sup> | 20.848.453.078        | -        | 27.499.217.102        | -        |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>   | <b>8.490.568.500</b>  | -        | <b>13.835.367.636</b> | -        |
| Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn   | 8.490.568.500         | -        | 13.835.367.636        | -        |
| <b>Cộng</b>   | <b>29.339.021.578</b> | -        | <b>41.334.584.738</b> | -        |

<sup>(1)</sup> Là khoản góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1801/IDI-KHKD ngày 18 tháng 01 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (Công ty con của Tập đoàn), Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng và Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần để thực hiện đầu tư xây dựng và khai thác Kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần. Thời gian hợp tác là 49 năm kể từ ngày Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn bàn giao cơ sở hạ tầng. Tổng vốn đầu tư dự kiến là 182.240.576.584 VND, tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng là 50% tương đương 91.120.288.292 VND. Hiệu quả kinh doanh được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6. Nợ xấu**

|  | Số cuối năm           |                         | Số đầu năm           |                        |
|--|-----------------------|-------------------------|----------------------|------------------------|
|  | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi  | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi |
| <i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>         | <b>28.386.533.693</b> | <b>(12.537.830.239)</b> | <b>6.418.557.288</b> | <b>(3.209.278.644)</b> |
| Công ty TNHH Một thành viên Linh Ngọc Ngân | 6.418.557.288         | (5.807.437.317)         | 6.418.557.288        | (3.209.278.644)        |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Thuận Hải  | 700.000.000           | (350.000.000)           | -                    | -                      |
| Jungwon Maritime Pte Ltd                   | 21.267.976.405        | (6.380.392.922)         | -                    | -                      |
| <b>Cộng</b>                                | <b>28.386.533.693</b> | <b>(12.537.830.239)</b> | <b>6.418.557.288</b> | <b>(3.209.278.644)</b> |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

|                            | Năm nay               | Năm trước            |
|----------------------------|-----------------------|----------------------|
| Số đầu năm                 | 3.209.278.644         | -                    |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 9.328.551.595         | 3.209.278.644        |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>12.537.830.239</b> | <b>3.209.278.644</b> |

**7. Hàng tồn kho**

|                                      | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu                | 2.129.530.167         | 1.376.747.735         |
| Công cụ dụng cụ                      | 34.651.649            | 500.000               |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 46.304.308.764        | 62.170.240.985        |
| Thành phẩm                           | 2.384.698             | 2.177.147             |
| Hàng hóa                             | 1.457.629.713         | 3.418.496.546         |
| <b>Cộng</b>                          | <b>49.928.504.991</b> | <b>66.968.162.413</b> |

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                          | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí bảo hiểm         | 3.727.192.013        | 2.269.410.932        |
| Chi phí sửa chữa tài sản | 158.625.157          | 1.444.018.557        |
| Chi phí công cụ dụng cụ  | 387.811.560          | 807.652.785          |
| Chi phí khác             | 917.433.570          | 841.862.606          |
| <b>Cộng</b>              | <b>5.191.062.300</b> | <b>5.362.944.880</b> |

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

|  | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí thuê thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu | 1.145.436.667         | -                     |
| Chi phí công cụ, dụng cụ                     | 8.192.966.563         | 5.411.594.837         |
| Chi phí bảo hiểm                             | 26.600.000            | 2.034.251.667         |
| Chi phí sửa chữa tàu                         | 35.088.839.965        | 27.366.157.549        |
| Chi phí duy tu cảng, đường bãi container     | 10.710.173.572        | 11.037.941.753        |
| Chi phí đăng kiểm                            | 95.129.280            | -                     |
| Chi phí trả trước dài hạn khác               | 2.105.688.216         | 918.802.351           |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>57.364.834.263</b> | <b>46.768.748.157</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

| 9. Tài sản cố định hữu hình           | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị      | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng                     |
|---------------------------------------|------------------------|--------------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|--------------------------|
| Nguyên giá                            | 441.882.811.600        | 1.135.491.133.731        | 824.714.471.523                 | 10.970.629.660            | 1.249.983.891        | 2.414.309.030.405        |
| Số đầu năm                            | 1.079.570.199          | 3.372.792.728            | 14.501.125.585                  | 189.000.000               | 38.636.364           | 19.181.124.876           |
| Mua trong năm                         | -                      | -                        | 42.900.000                      | -                         | -                    | 42.900.000               |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành     | -                      | -                        | (48.723.324.120)                | -                         | (90.400.000)         | (48.813.724.120)         |
| Thanh lý, nhượng bán trong năm        | -                      | -                        | 790.535.172.988                 | 11.159.629.660            | 1.198.220.255        | 2.384.719.331.161        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>442.962.381.799</b> | <b>1.138.863.926.459</b> | <b>790.535.172.988</b>          | <b>11.159.629.660</b>     | <b>1.198.220.255</b> | <b>2.384.719.331.161</b> |
| <i>Trong đó:</i>                      |                        |                          |                                 |                           |                      |                          |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | -                      | 265.725.984.289          | 3.429.862.436                   | 10.387.961.559            | 59.590.909           | 279.603.399.193          |
| Chờ thanh lý                          | -                      | -                        | -                               | -                         | -                    | -                        |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                | <b>347.173.404.508</b> | <b>601.979.988.417</b>   | <b>260.235.989.290</b>          | <b>10.562.102.409</b>     | <b>807.143.612</b>   | <b>1.220.758.628.236</b> |
| Số đầu năm                            | 31.326.712.362         | 104.378.443.897          | 87.561.861.490                  | 133.219.181               | 233.318.363          | 223.633.555.293          |
| Khấu hao trong năm                    | -                      | -                        | (15.090.403.839)                | -                         | (58.760.013)         | (15.149.163.852)         |
| Thanh lý, nhượng bán trong năm        | -                      | -                        | 332.707.446.941                 | 10.695.321.590            | 981.701.962          | 1.429.243.019.677        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>378.500.116.870</b> | <b>706.358.432.314</b>   | <b>332.707.446.941</b>          | <b>10.695.321.590</b>     | <b>981.701.962</b>   | <b>1.429.243.019.677</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                | <b>94.709.407.092</b>  | <b>533.511.145.314</b>   | <b>564.478.482.233</b>          | <b>408.527.251</b>        | <b>442.840.279</b>   | <b>1.193.550.402.169</b> |
| Số đầu năm                            | 64.462.264.929         | 432.505.494.145          | 457.827.726.047                 | 464.308.070               | 216.518.293          | 955.476.311.484          |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>64.462.264.929</b>  | <b>432.505.494.145</b>   | <b>457.827.726.047</b>          | <b>464.308.070</b>        | <b>216.518.293</b>   | <b>955.476.311.484</b>   |
| <i>Trong đó:</i>                      |                        |                          |                                 |                           |                      |                          |
| Tạm thời chưa sử dụng                 | -                      | -                        | -                               | -                         | -                    | -                        |
| Đang chờ thanh lý                     | -                      | -                        | -                               | -                         | -                    | -                        |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 728.646.863.590 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Là phương tiện vận tải truyền dẫn

|                    | Nguyên giá           | Hao mòn lũy kế         | Giá trị còn lại      |
|--------------------|----------------------|------------------------|----------------------|
| Số đầu năm         | 2.741.157.634        | (615.937.286)          | 2.125.220.348        |
| Khấu hao trong năm | -                    | (515.600.160)          | (515.600.160)        |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>2.741.157.634</b> | <b>(1.131.537.446)</b> | <b>1.609.620.188</b> |

**Trong đó:**

|                                       |   |   |   |
|---------------------------------------|---|---|---|
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | - |
| Chờ thanh lý                          | - | - | - |

**11. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm chương trình máy tính.

|                    | Nguyên giá           | Hao mòn lũy kế       | Giá trị còn lại    |
|--------------------|----------------------|----------------------|--------------------|
| Số đầu năm         | 1.062.585.000        | (515.616.176)        | 546.968.824        |
| Mua trong năm      | 35.100.000           | -                    | 35.100.000         |
| Khấu hao trong năm | -                    | (150.575.799)        | (150.575.799)      |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>1.097.685.000</b> | <b>(666.191.975)</b> | <b>431.493.025</b> |

**Trong đó:**

|                                       |             |   |   |
|---------------------------------------|-------------|---|---|
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 328.600.000 | - | - |
| Chờ thanh lý                          | -           | - | - |

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|   | Số đầu năm           | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm | Số cuối năm           |
|---|----------------------|-----------------------------|--|-----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định   | -                    | 66.445.709.533              | (19.216.224.876)                         | 47.229.484.657        |
| Xây dựng cơ bản dở dang   | 6.698.148.143        | 42.900.000                  | (42.900.000)                             | 6.698.148.143         |
| Dự án 52 – 58 Trần Phú Nha Trang <sup>(*)</sup>                       | 542.740.734          | -                           | -  | 542.740.734           |
| Xây dựng cầu cảng và vận chuyển hàng hóa tại Hải Phòng <sup>(*)</sup> | 3.013.636.364        | -                           | -  | 3.013.636.364         |
| Dự án khác  | 3.141.771.045        | 42.900.000                  | (42.900.000)                             | 3.141.771.045         |
| <b>Cộng</b>   | <b>6.698.148.143</b> | <b>66.488.609.533</b>       | <b>(19.259.124.876)</b>                  | <b>53.927.632.800</b> |

(\*) Các dự án dở dang đang chờ hướng dẫn triển khai dự án từ các cơ quan nhà nước trong tháng 4 năm 2021.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****13. Phải trả người bán****13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>      |
|---|------------------------|------------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>                         | <b>12.401.361.989</b>  | <b>30.359.304.542</b>  |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng                 | 2.695.624.433          | 10.090.819.979         |
| Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh                    | 4.851.000.000          | 5.661.000.000          |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng                 | -                      | 2.712.351.400          |
| Công ty TNHH Một thành viên Hải sản Trường Sa             | 3.943.571.340          | 9.859.536.240          |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 818.815.478            | 1.840.280.320          |
| Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng    | 90.131.378             | 195.316.603            |
| Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng             | 2.219.360              | -                      |
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>                     | <b>130.294.012.903</b> | <b>162.888.651.745</b> |
| Công ty TNHH Xăng dầu Long Sơn                            | -                      | 9.980.930.001          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu          | 7.217.756.244          | 22.101.491.520         |
| Công ty Cổ phần Tàu Dịch vụ Dầu khí HD Marine             | 12.227.355.921         | 3.980.581.086          |
| Aussie Offshore Services Limited                          | 13.744.973.998         | -                      |
| Đình Văn Học (thuyết minh V.13b)                          | 10.000.000.000         | -                      |
| Các nhà cung cấp khác                                     | 87.103.926.740         | 126.825.649.138        |
| <b>Cộng</b>   | <b>142.695.374.892</b> | <b>193.247.956.287</b> |

**13b. Phải trả người bán dài hạn**

Số dư đầu năm là khoản phải trả Ông Đình Văn Học tiền mua cổ phần theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2019/CNCP-TCO ngày 15 tháng 4 năm 2019 và phụ lục hợp đồng số PL01/2019/CNCP-TCO ngày 30 tháng 12 năm 2019. Công ty mua 5.046.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ với giá chuyển nhượng 31.000 VND/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng: 156.450.800.000 VND, thời hạn thanh toán trước ngày 31 tháng 01 năm 2021.

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|--------------------|-----------------------|
| <b>Trả trước của bên liên quan</b>                        | <b>-</b>           | <b>90.725.000</b>     |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | -                  | 90.725.000            |
| <b>Trả trước của các khách hàng khác</b>                  | <b>34.859.725</b>  | <b>10.718.080.191</b> |
| Aussie Offshore Services Limited                          | -                  | 7.658.475.000         |
| Total Management Services Pte. Ltd.,                      | -                  | 2.314.396.000         |
| Các khách hàng khác                                       | 34.859.725         | 745.209.191           |
| <b>Cộng</b>   | <b>34.859.725</b>  | <b>10.808.805.191</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|  | Số đầu năm            | Số phải nộp trong năm  | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm           |
|--|-----------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa                       | 7.190.572.613         | 67.203.664.176         | (72.824.714.201)         | 1.569.522.588         |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu                         | -                     | 9.688.830.769          | (9.688.830.769)          | -                     |
| Thuế xuất, nhập khẩu                             | -                     | 2.892.671.123          | (2.892.671.123)          | -                     |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp              | 11.475.377.075        | 18.753.460.260         | (11.806.009.618)         | 18.422.827.717        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp bên liên doanh nộp hộ | -                     | 606.422.250            | (606.422.250)            | -                     |
| Thuế thu nhập cá nhân                            | 859.682.233           | 9.482.906.910          | (9.857.915.568)          | 484.673.575           |
| Thuế Môi trường                                  | -                     | 460.004.000            | (460.004.000)            | -                     |
| Thuế nhà thầu                                    | 322.006.079           | 1.159.351.969          | (937.503.671)            | 543.854.377           |
| Tiền thuế đất                                    | -                     | 16.308.054             | (16.308.054)             | -                     |
| Các loại thuế khác                               | -                     | 47.473.927             | (47.473.927)             | -                     |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>19.847.638.000</b> | <b>110.311.093.438</b> | <b>(109.137.853.181)</b> | <b>21.020.878.257</b> |

**Thuế giá trị gia tăng**

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

|  |     |
|--|-----|
| - Hàng hóa xuất khẩu, dịch vụ cung cấp quốc tế   | 0%  |
| - Hàng hóa nông sản sơ chế hoặc chưa qua chế biến khi bán cho các đơn vị Quân đội, khách hàng lẻ | 5%  |
| - Hàng hóa, dịch vụ còn lại  | 10% |

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Năm 2014, Công ty phát sinh hoạt động đầu tư mới vào lĩnh vực cầu cảng và bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Theo quy định tại điều 19 và điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm (kể từ năm 2014) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập phát sinh từ hoạt động này. Ngoài ra, thu nhập từ hoạt động cầu cảng được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm, bắt đầu từ năm 2014.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Công ty con được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>                         | <b>8.940.632.000</b>  | <b>9.721.909.281</b>  |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 8.940.632.000         | 9.721.909.281         |
| + Tiền thuê đất và thuê văn phòng                         | 8.940.632.000         | 8.940.632.000         |
| + Chi phí phải trả khác                                   | -                     | 781.277.281           |
| <b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>               | <b>35.239.614.678</b> | <b>36.744.129.934</b> |
| Lãi vay phải trả  | 18.647.745.723        | 24.990.948.521        |
| Chi phí thuê tàu phải trả                                 | 10.268.037.074        | 8.482.015.740         |
| Chi phí nhiên liệu phải trả                               | 852.327.128           | 270.127.273           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                                 | 637.703.140           | 593.604.958           |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác                        | 4.833.801.613         | 2.407.433.442         |
| <b>Cộng</b>   | <b>44.180.246.678</b> | <b>46.466.039.215</b> |

**17. Doanh thu chưa thực hiện**

**17a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

|   | <u>Số cuối năm</u>   | <u>Số đầu năm</u>    |
|---|----------------------|----------------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam – Doanh thu cho thuê tài sản | 2.704.500.000        | 2.704.500.000        |
| Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác                                    | -                    | 268.076.000          |
| <b>Cộng</b>   | <b>2.704.500.000</b> | <b>2.972.576.000</b> |

**17b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

Là doanh thu cho Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam về thuê tài sản.

**18. Phải trả khác**

**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

|  | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>  | <b>24.833.658.409</b> | <b>23.021.972.348</b> |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn                                | 21.654.608.072        | 21.688.957.063        |
| + Khoản BHXH và khoản thu hộ phải trả  | 151.448.072           | 185.797.063           |
| + Cổ tức phải trả  | 21.503.160.000        | 21.503.160.000        |
| Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát   | 3.179.050.337         | 1.333.015.285         |
| <b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>   | <b>10.229.929.209</b> | <b>13.560.714.712</b> |
| Tài sản thừa chờ giải quyết  | 87.587.588            | -                     |
| Kinh phí công đoàn   | 291.416.895           | 210.185.884           |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp                                     | 312.758.593           | 7.676.789             |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn   | 5.565.699.000         | -                     |
| Cổ tức phải trả  | -                     | 8.987.825.000         |
| Công ty Cổ phần Việt Nam Travelmart Đà Nẵng - Nhận vốn hợp tác kinh doanh <sup>(i)</sup> | 1.772.480.000         | 3.000.000.000         |
| Các khoản chi hộ phải trả  | 1.520.209.305         | -                     |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác   | 679.777.828           | 1.355.027.039         |
| <b>Cộng</b>  | <b>35.063.587.618</b> | <b>36.582.687.060</b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (i) Khoản góp vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1807/TCOTS-VNTM ngày 18 tháng 7 năm 2017 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Việt Nam Travelmart (VNTM) và Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng (Dịch vụ Bay) để thực hiện dự án quản lý, khai thác nhà khách Ngoại vụ kết hợp An điều dưỡng Vùng 3 Hải Quân tại Đà Nẵng. Theo biên bản thanh lý thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 31/12/2019, Dịch vụ Bay mua lại phần vốn góp của VNTM bằng số tiền VNTM đã thực góp. Thời hạn thanh toán lần 01 số tiền 1.162.570.000 VND trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký biên bản thanh lý, phần còn lại sẽ được thanh toán bằng hình thức khấu trừ dần trên doanh thu VNTM sử dụng tại khách sạn Navy Đà Nẵng và Bãi Cát Vàng (nếu có). Trong trường hợp Dịch vụ Bay không còn quyền khai thác khách sạn Navy Đà Nẵng, số tiền còn lại sẽ được chuyển cho VNTM một lần.

#### 18b. Phải trả dài hạn khác

|   | Số cuối năm       | Số đầu năm        |
|---|-------------------|-------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>23.700.000</i> | <i>23.700.000</i> |
| Nhận ký quỹ, ký cược                        | 23.700.000        | 23.700.000        |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>23.700.000</b> | <b>23.700.000</b> |

#### 19. Vay và nợ thuê tài chính

##### 19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

|   | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn Ngân hàng</i>   | <i>126.936.301.614</i> | <i>127.433.721.142</i> |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>                 | 30.631.735.400         | 40.360.713.566         |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú <sup>(ii)</sup>                                  | 36.025.417.685         | 54.939.328.362         |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa <sup>(iii)</sup> | 60.279.148.529         | 32.133.679.214         |
| <i>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</i>  | <i>-</i>               | <i>200.000.000</i>     |
| <i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i>   | <i>-</i>               | <i>64.092.100</i>      |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>                                   | <i>81.625.894.140</i>  | <i>110.787.071.624</i> |
| <i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>                             | <i>385.297.092</i>     | <i>521.862.744</i>     |
| <b>Cộng</b>   | <b>208.947.492.846</b> | <b>239.006.747.610</b> |

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 2143/2038/N/CTD ngày 16/11/2020 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 50.000.000.000, thời hạn vay đến 30/09/2021. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền yêu cầu thanh toán, quyền được bồi thường thiệt hại, quyền hưởng bảo hiểm phát sinh từ các hợp đồng kinh tế với Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu dịch vụ Dầu khí (PTSC Marine); cầm cố tài khoản tiền gửi tại VCB với tổng giá trị 3.500.000.000 VND; thế chấp Cầu RTG 6+1
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú theo Hợp đồng tín dụng số 54486.19.151.1131175.TD ngày 12/12/2019 để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.000 VND, thời hạn vay không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được bảo đảm bằng các tàu Tân Cảng 63, Tân Cảng 66 và TC Royal; 03 cầu Kocks

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/12827294/HĐTD ngày 30/09/2020 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức vay là 80.000.000.0000, thời hạn vay đến 30/09/2021. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sở hữu tài sản là 02 cầu bờ Container hiệu Kocks

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

|                               | Số đầu năm             | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm            |
|-------------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng        | 127.433.721.142        | 329.260.826.672                 | -                               | (329.758.246.200)            | 126.936.301.614        |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | 200.000.000            | -                               | -                               | (200.000.000)                | -                      |
| Vay ngắn hạn các cá nhân      | 64.092.100             | -                               | -                               | (64.092.100)                 | -                      |
| Vay dài hạn đến hạn trả       | 110.787.071.624        | -                               | 81.625.894.140                  | (110.787.071.624)            | 81.625.894.140         |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 521.862.744            | -                               | 385.297.092                     | (521.862.744)                | 385.297.092            |
| <b>Cộng</b>                   | <b>239.006.747.610</b> | <b>329.260.826.672</b>          | <b>82.011.191.232</b>           | <b>(441.331.272.668)</b>     | <b>208.947.492.846</b> |

**19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

|   | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------------------|------------------------|
| <b>Vay dài hạn ngân hàng</b>  | <b>272.237.536.440</b> | <b>364.074.099.158</b> |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh An Phú <sup>(i)</sup>               | 77.073.536.437         | 79.430.099.157         |
| Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga   | -                      | 15.400.000.000         |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa <sup>(ii)</sup> | 195.164.000.003        | 269.244.000.001        |
| <b>Vay dài hạn các tổ chức khác</b>                                     | <b>23.800.000.000</b>  | <b>10.000.000.000</b>  |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Cảng biển Việt Nam <sup>(iii)</sup>   | 23.800.000.000         | 10.000.000.000         |
| <b>Vay dài hạn các cá nhân khác <sup>(iv)</sup></b>                     | <b>207.679.425.000</b> | <b>194.018.850.000</b> |
| <b>Nợ thuê tài chính <sup>(v)</sup></b>                                 | <b>586.151.963</b>     | <b>971.449.055</b>     |
| <b>Cộng</b>   | <b>504.303.113.403</b> | <b>569.064.398.213</b> |

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng sau:

Tại Công ty mẹ:

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng tín dụng ngày 28 tháng 11 năm 2017 và ngày 14 tháng 3 năm 2019 với hạn mức cho vay VND tương đương 1.400.000 USD và 3.220.000 USD, giải ngân VND theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm giải ngân. Mục đích vay để đầu tư tàu Olympic Progress và tàu Armada Tuah 304. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất áp dụng trong năm 2020 từ 8,1% đến 9,6% cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

Tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng:

Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay ký kết trong các năm 2016 và 2020. Mục đích vay để đầu tư xây dựng kho tại ICD Tân Cảng Sóng Thần; thanh toán tiền mua thiết bị ứng cứu sự cố tràn dầu khu vực Cảng và Phao xuất dầu không bến; đầu tư 1 tàu đa năng Pacific Vigour, số hiệu IMO 9443530. Thời hạn vay từ 60 đến 120 tháng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Lãi suất áp dụng trong năm 2020 là 7% đến 9%. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay và các quyền khai thác cơ sở hạ tầng.

(ii) **Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo các hợp đồng sau:**

Tại Công ty mẹ:

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo hợp đồng ngày 12 tháng 6 năm 2018 để đầu tư 02 cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer. Tổng số tiền vay 317.514.000.000 VND, thời hạn cho vay 106 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ 106 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Lãi suất áp dụng trong năm 2020 từ 7,7% đến 9,3% cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng hai cầu giàn Mitsui – Paceco Portainer.

Tại Công ty Cổ phần Hàng hải Tân Cảng Miền Bắc

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Đa theo hợp đồng ngày 16 tháng 1 năm 2019 để thanh toán các chi phí mua tàu Tân Cảng 86, hạn mức cho vay là 65.000.000.000 VND. Thời hạn vay 84 tháng kể ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng Tàu Tân Cảng 86 có giá trị còn lại là 73.660 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 82.867 triệu VND)

(iii) **Khoản Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Cảng biển Việt Nam theo các hợp đồng sau:**

Hợp đồng vay số 01/2016/HTKD/SNP-TCOTS ngày 07 tháng 12 năm 2016 để thực hiện đầu tư dự án “Hàng không chung”. Thời hạn hợp tác phụ thuộc vào thời gian đầu tư dự án, nhưng không dưới 01 năm. Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Cảng biển Việt Nam được hưởng lợi tức cố định là 9%/năm trên tổng vốn góp hợp tác kinh doanh (không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án).

Hợp đồng vay số 01/2020/TCOTS/WISECO ngày 16/11/2020 để thực hiện đầu tư mua tàu Tân Cảng Pacific Vigour. Thời hạn hợp đồng là 2 năm từ ngày 16/11/2020 đến 16/11/2020 với lãi suất cố định 11,4%. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(iv) **Khoản vay dài hạn các cá nhân khác theo các hợp đồng sau:**

Tại Công ty mẹ:

Là khoản vay dài hạn các cá nhân khác để tăng cường vốn cho hoạt động offshore, lãi suất cố định 9%/năm và khoản vay dài hạn các cá nhân để đầu tư mua tàu, đầu tư thiết bị ROV và đầu tư vào dự án Cầu Kocks, lãi suất từ 9% đến 25%/năm tùy từng loại hình đầu tư.

Tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng:

Khoản vay Ông Lê Đăng Phong theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh 2018/HĐHTKD năm 2018 để thực hiện đầu tư mua sắm tàu TC Fortune. Thời hạn hợp tác phụ thuộc vào thời gian đầu tư dự án, nhưng không dưới 01 năm. Ông Lê Đăng Phong được hưởng lợi tức cố định là 9%/năm trên tổng vốn góp hợp tác kinh doanh (không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án).

(v) **Nợ thuê tài chính công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng sau:**

Tại Công ty mẹ:

Nợ thuê tài chính Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng ký kết năm 2018. Tài sản thuê là các phương tiện vận tải (xe ô tô) với số tiền cho thuê là 1.127.272.727 VND, thời hạn thuê từ 36 tháng đến 48 tháng, tùy từng hợp đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biển Tân Cảng:

Nợ thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 85.19.01/CTTC ngày 20 tháng 2 năm 2019, tài sản thuê là 2 chiếc xe ô tô tải KIA nhãn hiệu Thaco Frontier K200-DL. Thời hạn thuê 72 tháng với lãi suất thuê như sau:

Trong 6 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên: Lãi suất thuê cố định 9,4%/năm.

Trong thời gian còn lại, áp dụng lãi suất thuê tài chính cơ bản bằng VND do VCBL công bố cộng biên độ 2,2%/năm. Lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

|                         | <b>Tổng nợ</b>         | <b>Từ 1 năm trở xuống</b> | <b>Trên 1 năm đến 5 năm</b> | <b>Trên 5 năm</b>     |
|-------------------------|------------------------|---------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| <b>Số cuối năm</b>      |                        |                           |                             |                       |
| Vay dài hạn ngân hàng   | 480.799.732.194        | 208.562.195.754           | 226.188.691.338             | 46.048.845.102        |
| Vay dài hạn các tổ chức | 23.800.000.000         | -                         | 23.800.000.000              | -                     |
| Vay dài hạn các cá nhân | 207.679.425.000        | -                         | 207.679.425.000             | -                     |
| Nợ thuê tài chính       | 971.449.055            | 385.297.092               | 343.374.207                 | 242.777.756           |
| <b>Cộng</b>             | <b>713.250.606.249</b> | <b>208.947.492.846</b>    | <b>458.011.490.545</b>      | <b>46.291.622.858</b> |

**Số đầu năm**

|                                       |                        |                        |                        |                      |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|----------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng                 | 474.861.170.782        | 110.787.071.624        | 358.209.659.256        | 5.864.439.902        |
| Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân khác | 204.018.850.000        | -                      | 204.018.850.000        | -                    |
| Nợ thuê tài chính                     | 1.493.311.799          | 521.862.744            | 602.004.627            | 369.444.428          |
| <b>Cộng</b>                           | <b>680.373.332.581</b> | <b>111.308.934.368</b> | <b>562.830.513.883</b> | <b>6.233.884.330</b> |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

|                              | <b>Số đầu năm</b>      | <b>Số tiền vay phát sinh trong năm</b> | <b>Số tiền vay đã trả trong năm</b> | <b>Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả</b> | <b>Số cuối năm</b>     |
|------------------------------|------------------------|--|-------------------------------------|--|------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng        | 364.074.099.158        | 29.257.200.000                         | (39.467.868.578)                    | (81.625.894.140)                               | 272.237.536.440        |
| Vay dài hạn các tổ chức khác | 10.000.000.000         | 13.800.000.000                         | -                                   | -  | 23.800.000.000         |
| Vay dài hạn các cá nhân      | 194.018.850.000        | 17.120.000.000                         | (3.459.425.000)                     | -  | 207.679.425.000        |
| Nợ thuê tài chính            | 971.449.055            | -                                      | -                                   | (385.297.092)                                  | 586.151.963            |
| <b>Cộng</b>                  | <b>569.064.398.213</b> | <b>60.177.200.000</b>                  | <b>(42.927.293.578)</b>             | <b>(82.011.191.232)</b>                        | <b>504.303.113.403</b> |

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                                   | <b>Số đầu năm</b>    | <b>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</b> | <b>Chi quỹ trong năm</b> | <b>Số cuối năm</b>   |
|-----------------------------------|----------------------|---------------------------------------|--------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng                   | 1.744.018.349        | 6.512.840.198                         | (7.756.144.531)          | 500.714.016          |
| Quỹ phúc lợi                      | 3.688.612.252        | 6.770.913.794                         | (8.304.636.857)          | 2.154.889.189        |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 2.778.899.150        | 2.634.808.961                         | (3.088.000.000)          | 2.325.708.111        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>8.211.529.751</b> | <b>15.918.562.953</b>                 | <b>(19.148.781.388)</b>  | <b>4.981.311.316</b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 21. Thuế thu nhập hoãn lại

##### 21a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

|  | <u>Năm nay</u>  | <u>Năm trước</u>     |
|--|-----------------|----------------------|
| Số đầu năm                                 | 4.489.785.893   | 4.101.266.554        |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh            | (4.489.785.893) | 511.119.321          |
| Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả | -               | (122.599.982)        |
| <b>Số cuối năm</b>                         | <b>-</b>        | <b>4.489.785.893</b> |

##### 21b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến chênh lệch tạm thời chịu thuế do hợp nhất báo cáo tài chính. Chi tiết phát sinh như sau:

|   | <u>Năm nay</u>  | <u>Năm trước</u>     |
|---|-----------------|----------------------|
| Số đầu năm                                | 1.286.749.612   | 1.592.925.617        |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh           | (1.286.749.612) | (183.576.023)        |
| Bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại | -               | (122.599.982)        |
| <b>Số cuối năm</b>                        | <b>-</b>        | <b>1.286.749.612</b> |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cáo năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**22. Vốn chủ sở hữu****22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|   | Vốn góp của chủ sở hữu |                        | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng                   |
|---|------------------------|------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|------------------------|
|   | Số đầu năm trước       | Số cuối năm trước      |                                   |                               |                                 |                        |
| Số đầu năm trước                          | 265.000.000.000        | 128.734.139.264        | 176.544.388.629                   | 20.749.609.757                | 146.138.170.881                 | 737.166.308.531        |
| Góp vốn trong năm                         | -                      | -                      | 119.314.960.766                   | -                             | 11.164.639.505                  | 130.479.600.271        |
| Lợi nhuận trong năm trước                 | -                      | -                      | (60.950.000.000)                  | -                             | (7.350.000.000)                 | (68.300.000.000)       |
| Chia cổ tức năm trước                     | -                      | 40.867.139.215         | (64.025.184.770)                  | 6.811.189.869                 | (881.821.764)                   | (17.228.677.450)       |
| Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ          | -                      | -                      | (2.043.356.961)                   | -                             | -                               | (2.043.356.961)        |
| Điều chỉnh lợi ích tại Công ty con        | -                      | 2.823.527.471          | (3.847.122.085)                   | 82.418.790                    | -                               | (941.175.824)          |
| Tặng/(giảm) khác                          | -                      | -                      | (129.656.288)                     | -                             | (130.343.712)                   | (260.000.000)          |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>               | <b>265.000.000.000</b> | <b>172.424.805.950</b> | <b>164.864.029.291</b>            | <b>27.643.218.416</b>         | <b>148.940.644.910</b>          | <b>778.872.698.567</b> |
| Số dư đầu năm nay                         | 265.000.000.000        | 172.424.805.950        | 164.864.029.291                   | 27.643.218.416                | 148.940.644.910                 | 778.872.698.567        |
| Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền          | -                      | -                      | -                                 | -                             | 1.732.000.000                   | 1.732.000.000          |
| Phân phối lợi nhuận tại TC Quý Vở         | -                      | -                      | (507.227.902)                     | -                             | -                               | (507.227.902)          |
| Lợi nhuận trong năm nay                   | -                      | -                      | 138.260.930.662                   | -                             | 21.076.707.981                  | 159.337.638.643        |
| Chia cổ tức năm nay                       | -                      | -                      | (60.950.000.000)                  | -                             | (12.258.384.000)                | (73.208.384.000)       |
| Trích lập các quỹ năm nay tại Công ty mẹ  | -                      | 35.772.134.421         | (50.080.988.190)                  | -                             | -                               | (14.308.853.769)       |
| Trích kinh phí hoạt động ban quản lý      | -                      | -                      | (1.788.606.721)                   | -                             | -                               | (1.788.606.721)        |
| Trích lập các quỹ năm nay tại Công ty con | -                      | 971.362.901            | (1.794.735.763)                   | 69.296.644                    | (705.632.966)                   | (1.459.709.184)        |
| Thủ lao ban điều hành tại Công ty con     | -                      | -                      | (264.917.304)                     | -                             | (254.528.391)                   | (519.445.695)          |
| Quỹ khen thưởng BĐH tại Công ty con       | -                      | -                      | -                                 | (81.000.000)                  | (69.000.000)                    | (150.000.000)          |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>                 | <b>265.000.000.000</b> | <b>209.168.303.272</b> | <b>187.738.484.073</b>            | <b>27.631.515.060</b>         | <b>158.461.807.534</b>          | <b>848.000.109.939</b> |

**22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|   | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 93.492.000.000         | 93.492.000.000         |
| Các cổ đông khác  | 171.508.000.000        | 171.508.000.000        |
| <b>Cộng</b>   | <b>265.000.000.000</b> | <b>265.000.000.000</b> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****22c. Cổ phiếu**

|                                     | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 26.500.000         | 26.500.000        |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 26.500.000         | 26.500.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 26.500.000         | 26.500.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 26.500.000         | 26.500.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 26.500.000         | 26.500.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -                  | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**22d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2020 như sau:

| <b>Phân phối lợi nhuận năm 2019</b> | VND              |
|-------------------------------------|------------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông       | : 60.950.000.000 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển       | : 35.772.134.421 |
| • Trích quỹ Khen thưởng             | : 5.962.022.404  |
| • Trích quỹ Phúc lợi                | : 5.962.022.404  |
| • Trích quỹ thưởng Ban điều hành    | : 2.384.808.961  |
| • Trích kinh phí HĐQT, BKS          | : 1.788.606.721  |

**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất****Ngoại tệ các loại**

|                 | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 774.705,66         | 1.049.544,16      |
| Euro (EUR)      | -                  | 50,00             |

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

|                                 | <u>Năm nay</u>                  | <u>Năm trước</u>                |
|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Doanh thu cho thuê tài sản      | 334.847.283.581                 | 381.560.666.737                 |
| Doanh thu bán hàng hóa          | 195.781.402.760                 | 191.286.810.866                 |
| Doanh thu dịch vụ ngoài khơi    | 582.128.082.279                 | 523.847.278.380                 |
| Doanh thu bán tàu, sà lan       | 49.560.407.273                  | -                               |
| Doanh thu từ hợp tác kinh doanh | 12.354.583.644                  | 12.354.583.644                  |
| Doanh thu dịch vụ khác          | 146.066.713.362                 | 93.829.984.246                  |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>1.320.738.472.899</u></b> | <b><u>1.202.879.323.873</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

|   | <u>Năm nay</u>  | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| <b>Doanh thu cho thuê tài sản cho các đơn vị:</b>           |                 |                  |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn   | 227.644.718.039 | 241.710.458.539  |
| Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tân Cảng - Cái Mép Thị Vải | 60.000.000.000  | 60.000.000.000   |
| Công Ty Cổ Phần Tân Cảng - Cái Mép                          | 746.785.000     | -                |
| Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng                       | 706.431.600     | -                |
| Công ty TNHH Một thành viên 128                             | 3.816.722.727   | -                |
| <b>Doanh thu cung cấp dịch vụ cho các đơn vị:</b>           |                 |                  |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn   | 49.866.308.748  | 41.930.825.369   |
| Công ty TNHH Tân Cảng - PETRO Cam Ranh                      | 283.727.273     | 2.053.636.363    |
| Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng      | 70.539.913.720  | -                |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng                   | -               | 6.000.000.000    |
| Công ty Cổ phần Cung ứng TCOTS – Cát Lái                    | 84.000.000      | 210.000.000      |

**2. Giá vốn hàng bán**

|                                     | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|-------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn hoạt động cho thuê tài sản  | 163.244.287.575               | 182.902.160.985               |
| Giá vốn bán hàng hóa                | 184.355.937.640               | 172.089.069.528               |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ ngoài khơi | 509.168.102.656               | 463.078.618.157               |
| Giá vốn bán tàu, sà lan             | 34.923.633.133                | -                             |
| Giá vốn từ hợp tác kinh doanh       | 8.022.996.142                 | 7.262.623.104                 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ khác       | 95.796.804.872                | 81.225.777.747                |
| <b>Cộng</b>                         | <b><u>995.511.762.018</u></b> | <b><u>906.558.249.521</u></b> |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|   | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn  | 1.626.123.214               | 531.948.764                 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn   | 59.251.930                  | 328.001.679                 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh   | 1.256.831.343               | 893.972.402                 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | -                           | 185.028                     |
| Chiết khấu thanh toán   | 116.342.869                 | -                           |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác  | 50.850.952                  | -                           |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>3.109.400.308</u></b> | <b><u>1.754.107.873</u></b> |

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 4. Chi phí tài chính

|  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay  | 71.675.314.841               | 79.183.504.650               |
| Lỗ thanh lý các khoản đầu tư   | -                            | 684.000                      |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh   | 454.494.616                  | 574.717.900                  |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 177.326.178                  | 73.801.238                   |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>72.307.135.635</u></b> | <b><u>79.832.707.788</u></b> |

#### 5. Chi phí bán hàng

|                           | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>            |
|---------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên     | 8.716.105.378                | 3.277.165.986               |
| Chi phí vật liệu, bao bì  | 123.798.145                  | 5.189.000                   |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng  | 311.052.170                  | 190.209.385                 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.861.122.335                | 3.836.143.766               |
| Các chi phí khác          | 1.298.546.509                | 1.105.080.270               |
| <b>Cộng</b>               | <b><u>15.310.624.537</u></b> | <b><u>8.413.788.407</u></b> |

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                 | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý       | 35.990.968.927               | 34.797.562.561               |
| Chi phí nguyên vật liệu quản lý | 753.515.962                  | 775.688.149                  |
| Chi phí đồ dùng văn phòng       | 1.368.846.608                | 1.597.608.493                |
| Chi phí khấu hao TSCĐ           | 1.720.384.340                | 1.998.867.712                |
| Thuế, phí và lệ phí             | 263.323.509                  | 505.254.452                  |
| Dự phòng phải thu khó đòi       | 9.328.551.595                | 3.209.278.644                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài       | 15.989.603.657               | 14.041.158.183               |
| Chi phí bằng tiền khác          | 4.731.291.565                | 11.873.936.939               |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>70.146.486.163</u></b> | <b><u>68.799.355.133</u></b> |

#### 7. Thu nhập khác

|   | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Thu nhập từ bán dầu tồn tại tàu thuê        | 1.382.224.733               | -                           |
| Thu từ thanh lý TSCĐ                        | -                           | 120.161.622                 |
| Thu tiền bồi thường                         | 4.353.270.380               | 1.719.668.779               |
| Xử lý vật tư thừa do kiểm kê                | 74.359.709                  | -                           |
| Xử lý công nợ thực tế không phải thanh toán | 103.505.365                 | -                           |
| Thu nhập khác                               | 351.041.120                 | 916.128.543                 |
| <b>Cộng</b>                                 | <b><u>6.264.401.307</u></b> | <b><u>2.755.958.944</u></b> |

#### 8. Chi phí khác

|  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>          |
|--|-----------------------------|---------------------------|
| Giá vốn dầu tồn tại tàu thuê           | 1.144.052.132               | -                         |
| Chi phí thanh lý TSCĐ, công cụ dụng cụ | -                           | 203.911.562               |
| Thuế bị truy thu, phạt chậm nộp        | 629.787.786                 | 116.822.564               |
| Chi phí khác                           | 689.748.530                 | 244.795.206               |
| <b>Cộng</b>                            | <b><u>2.463.588.448</u></b> | <b><u>565.529.332</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIÊN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**9. Lãi trên cổ phiếu**

**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

|   | <u>Năm nay</u>      | <u>Năm trước</u>    |
|---|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ     | 138.260.930.662     | 119.314.960.766     |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty mẹ <sup>(1)</sup>               | (12.000.000.000)    | (11.924.044.808)    |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty con <sup>(1)</sup>              | (522.527.138)       | (529.834.609)       |
| Trích thưởng Ban điều hành <sup>(1)</sup>                                   | (2.400.000.000)     | (2.384.808.961)     |
| Trích kinh phí HĐQT, BKS <sup>(1)</sup>                                     | (2.009.010.855)     | (1.839.606.721)     |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                            | 121.329.392.669     | 102.636.665.667     |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 26.500.000          | 26.500.000          |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>                                    | <b><u>4.578</u></b> | <b><u>3.873</u></b> |

<sup>(1)</sup> Để phục vụ mục đích trình bày chi tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay: tại Công ty mẹ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành và kinh phí HĐQT, BKS được tạm tính theo tỷ lệ lần lượt 10%, 2% và 1,5% lợi nhuận sau thuế năm nay; tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Bay và Du lịch Biên Tân Cảng quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế năm nay. Tỷ lệ này được xác định theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 về kế hoạch kinh doanh năm 2020.

**9b. Thông tin khác**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; quỹ thưởng ban điều hành và kinh phí HĐQT, BKS khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 3.875 VND xuống 3.873 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 204.866.229.875               | 164.568.377.751               |
| Chi phí nhân công                | 166.168.767.017               | 157.353.916.026               |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 224.299.731.252               | 257.060.586.397               |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 214.899.412.901               | 168.976.372.714               |
| Chi phí khác                     | 63.070.291.169                | 78.801.413.705                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>873.304.432.214</u></b> | <b><u>826.760.666.593</u></b> |

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, Công ty đã phát sinh việc mua quà tặng bằng quỹ khen thưởng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản công nợ này chưa được thanh toán, số tiền 745.705.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch không có công nợ với các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

|                          | Chức vụ                  | Tiền lương           | Thưởng             | Thù lao              | Cộng thu nhập        |
|--------------------------|--------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Năm 2020</b>          |                          |                      |                    |                      |                      |
| <b>Hội đồng quản trị</b> |                          |                      |                    |                      |                      |
| Ngô Trọng Phần           | Chủ tịch                 | -                    | -                  | 600.000.000          | 600.000.000          |
| Nguyễn Sơn               | Thành viên               | -                    | -                  | 500.000.000          | 500.000.000          |
| Lê Đăng Phúc             | Thành viên kiêm Giám đốc | 926.640.000          | 111.667.525        | 400.000.000          | 1.438.307.525        |
| <b>Ban Kiểm soát</b>     |                          |                      |                    |                      |                      |
| Phạm Huy Vũ              | Trưởng Ban               | 441.600.000          | 48.967.525         | 30.000.000           | 520.567.525          |
| Nguyễn Thị Gấm           | Thành viên               | 504.000.000          | 65.610.250         | 50.000.000           | 619.610.250          |
| Nguyễn Thị Bạch Cúc      | Thành viên               | 390.000.000          | 31.851.890         | 30.000.000           | 451.851.890          |
| <b>Ban Giám đốc</b>      |                          |                      |                    |                      |                      |
| Nguyễn Quốc Dũng         | Phó Giám đốc             | 550.800.000          | 71.498.720         | -                    | 622.298.720          |
| Phạm Thanh Bình          | Phó Giám đốc             | 550.800.000          | 76.557.175         | -                    | 627.357.175          |
| Nguyễn Mạnh Cường        | Phó Giám đốc             | 550.800.000          | 71.760.625         | -                    | 622.560.625          |
| <b>Cộng</b>              |                          | <b>3.914.640.000</b> | <b>477.913.710</b> | <b>1.610.000.000</b> | <b>6.002.553.710</b> |
| <b>Năm 2019</b>          |                          |                      |                    |                      |                      |
| <b>Hội đồng quản trị</b> |                          |                      |                    |                      |                      |
| Ngô Trọng Phần           | Chủ tịch                 | -                    | -                  | -                    | -                    |
| Nguyễn Sơn               | Thành viên               | -                    | -                  | -                    | -                    |
| Lê Đăng Phúc             | Thành viên kiêm Giám đốc | 926.640.000          | 182.697.750        | -                    | 1.109.337.750        |
| <b>Ban Kiểm soát</b>     |                          |                      |                    |                      |                      |
| Phạm Huy Vũ              | Trưởng Ban               | 441.600.000          | 85.321.875         | -                    | 526.921.875          |
| Nguyễn Thị Gấm           | Thành viên               | 504.000.000          | 96.645.375         | 36.000.000           | 636.645.375          |
| Nguyễn Thị Bạch Cúc      | Thành viên               | 390.000.000          | 82.613.821         | 36.000.000           | 508.613.821          |
| <b>Ban Giám đốc</b>      |                          |                      |                    |                      |                      |
| Nguyễn Tuấn Anh          | Phó Giám đốc             | 633.000.000          | 136.800.000        | -                    | 769.800.000          |
| Nguyễn Quốc Dũng         | Phó Giám đốc             | 550.800.000          | 112.986.932        | -                    | 663.786.932          |
| Phạm Thanh Bình          | Phó Giám đốc             | 550.800.000          | 119.279.250        | -                    | 670.079.250          |
| Nguyễn Mạnh Cường        | Phó Giám đốc             | 321.300.000          | 19.500.000         | -                    | 340.800.000          |
| <b>Cộng</b>              |                          | <b>4.318.140.000</b> | <b>835.845.002</b> | <b>72.000.000</b>    | <b>5.225.985.002</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| <b>Bên liên quan khác</b>                                 | <b>Mối quan hệ</b>          |
|---|-----------------------------|
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn | Thành viên góp vốn          |
| Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải xếp dỡ Tân Cảng  | Công ty cùng Tập đoàn       |
| Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng  | Công ty cùng Tập đoàn       |
| Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng             | Công ty con của Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng                          | Công ty con của Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng                 | Công ty con của Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng                 | Công ty con của Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng    | Công ty con của Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước                       | Công ty con của Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Tân Cảng Số Một                  | Công ty con của Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng - Cái Mép                        | Công ty con của Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng        | Công ty con của Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Du lịch - Giải trí Saigon Today           | Công ty liên kết            |
| Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ                           | Công ty liên kết            |

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

|  | <b>Năm nay</b> | <b>Năm trước</b> |
|--|----------------|------------------|
| <b>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</b> |                |                  |
| Tiền thuê đất phải nộp   | -              | 4.470.316.000    |
| Chia cổ tức  | 21.503.160.000 | 21.503.160.000   |
| Thanh toán cổ tức  | -              | 12.681.284.789   |
| <b>Sử dụng dịch vụ của các đơn vị cung cấp:</b>                  |                |                  |
| Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn        | 2.515.584.413  | 2.018.205.579    |
| Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng                    | 12.295.576     | 3.711.400        |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng                        | 3.669.481.065  | 1.605.680.239    |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng                        | 929.983.500    | 2.468.022.750    |
| Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Tân Cảng Hải Phòng           | 1.613.531.263  | -                |
| Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh                           | 7.920.000.000  | 10.800.000.000   |
| Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng         | -              | 166.601.364      |
| <b>Mua nhiên liệu của các đơn vị</b>                             |                |                  |
| Công ty TNHH Tân Cảng - Petro Cam Ranh                           | -              | 19.910.616.319   |

*Công nợ với các bên liên quan khác*

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Số 722, đường Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.13a, V.14, V.16 và V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.


Lập, ngày 31 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Trần Quốc Bảo

Kế toán trưởng



Vũ Quang Tiến

Giám đốc



Lê Đăng Phúc

Ngày 28 tháng 04 năm 2021

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

**Giám đốc**



**Lê Đăng Phúc**





# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

A 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TPHCM, Việt Nam

P (+84) 28 3914 3982

F (+84) 28 3821 6446

E Commercial@tco.com.vn

W <https://tancangoffshore.com/>

